

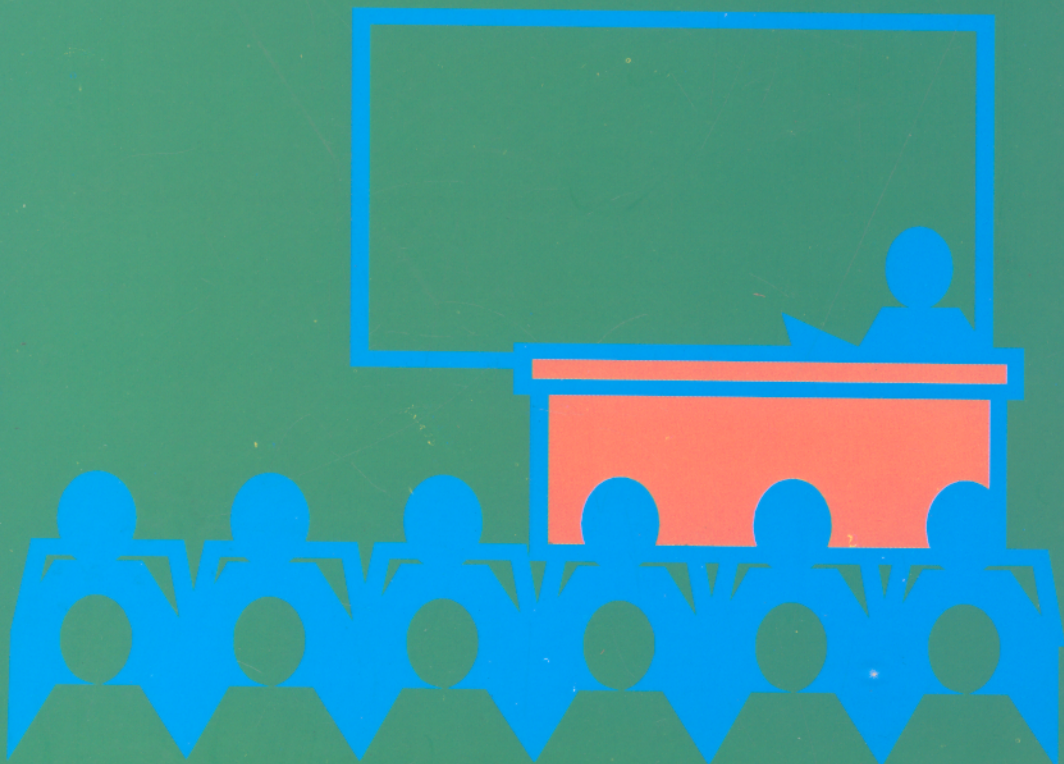


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo trong trường Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC I
DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

PHẠM MẠNH HÙNG

GIÁO TRÌNH
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH
ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC
CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC I

(Dùng cho BDCB & GV các trường THCN)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỔNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐT: (04) 8252916, 8257063 - FAX: (04) 8257063

GIÁO TRÌNH
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH
ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC
CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

HOÀNG CHÂU MINH

Bìa:

VĂN SÁNG

Trình bày - Kỹ thuật vi tính:

THU HIỀN

Sửa bản in:

CHÂU MINH

In 530 cuốn, khổ 17x24 cm. Tại Cơ sở 2 - Công ty Cổ phần in 15.
GPXB số: 146 - 2006/ CXB/ 93^d GT-19/ HN cấp ngày 24/2/2006.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.

Lời giới thiệu

*N*ước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quán triệt chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THPT Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THPT ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đồng đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm "50 năm giải phóng Thủ đô", "50 năm thành lập ngành" và hướng tới kỷ niệm "1000 năm Thăng Long - Hà Nội".

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bài mở đầu

GIỚI THIỆU MÔN HỌC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương trình, học viên có khả năng

** Về kiến thức*

Người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lý luận đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề, khái quát vị trí hệ thống giáo dục nghề nghiệp trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, nắm được những yêu cầu xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo và những vấn đề quản lý nhà trường và quản lý quá trình dạy học trong nhà trường trung học chuyên nghiệp dạy nghề.

** Về kỹ năng*

Học viên vận dụng được những kiến thức cơ bản nghiệp vụ sư phạm nhằm làm tốt công tác giảng dạy, linh hoạt sử dụng các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung đào tạo trong nhà trường. Bản thân chấp hành tốt các hoạt động quản lý của lãnh đạo nhà trường trong hoạt động dạy và học.

** Về thái độ*

Thực hiện tốt nhiệm vụ của người giáo viên trong nhà trường trung học chuyên nghiệp góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị nâng cao chất lượng hoạt động dạy và hoạt động học trong ngành giáo dục - đào tạo.

2. Khái quát nội dung

Môn học Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo là một trong những môn học của chương trình nghiệp vụ sư phạm bậc I. Nội dung môn học giúp học

viên nghiên cứu và nắm vững hệ thống những vấn đề cơ bản của hệ thống đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề trên cơ sở nắm bắt được xu thế phát triển giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam. Đặc biệt nhấn mạnh tới công tác quản lý một nhà trường trung học chuyên nghiệp, nhằm trang bị cho học viên các chức năng quản lý và các nguyên tắc quản lý một nhà trường và các phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Trên cơ sở đó, giúp học viên nhận thức và vận dụng vào công tác giảng dạy của mình.

3. Phân phối thời gian

Nội dung chương trình	Giảng	Tự NC	Xêmi na	Tổng cộng
Phần thứ nhất				
Một số vấn đề cơ bản về lý luận đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề.	10	4	2	16
Chương 1: Hệ thống đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	4			
Chương 2: Mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo	6			
Phần thứ hai				
Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	15	7	4	26
Chương 3: Quản lý nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	6			
Chương 4: Tổ chức và quản lý quá trình dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.	9			
Tổng cộng	25	11	6	42

4. Khái quát về phương pháp giảng dạy và học tập

Môn học này được xây dựng cho đối tượng là giáo viên các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề chưa qua đào tạo nghiệp vụ theo quy định chuẩn hóa và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên dạy nghề theo quyết định 1998 Ban hành năm 1991 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quy thời gian trong chương trình là 42 tiết. Thực giảng của giáo viên là 25 tiết, người học tự nghiên cứu và xemina trên lớp là 17 tiết. Do vậy, khi giảng dạy, giáo viên chủ yếu là thuyết trình trên lớp, kết hợp với tổ chức thảo luận trao đổi trên lớp học. Giáo viên và học viên cùng trao đổi một số vấn đề mà người học quan tâm khi vận dụng và giảng dạy. Nhà trường có thể tổ chức đi thăm quan thực địa ở những trường có mô hình quản lý nhà trường tốt, hoặc duy trì các hoạt động dạy và học có truyền thống tốt. Từ đó rút kinh nghiệm bổ ích làm cho bài học phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn.

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN ĐÀO TẠO TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ

Chương 1

HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Mục tiêu

Học xong chương này học viên có khả năng:

- Phân tích được một số khái niệm có liên quan trong ngành giáo dục đào tạo. Vị trí, vai trò của bậc giáo dục chuyên nghiệp trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo Luật Giáo dục năm 1998. Các loại hình đào tạo hiện nay đang thực hiện. Xu thế phát triển giáo dục đào tạo trên thế giới và nước ta.
- Trình bày được mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo trong nhà trường THCN và DN.
- Phân tích được bản chất của công tác tổ chức và quản lý quá trình đào tạo trong nhà THCN và DN.
- Luôn có ý thức vận dụng những lý luận đã học được vào công tác quản lý và giáo dục trong nhà trường.

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Giáo dục và đào tạo

1.1. Giáo dục

Giáo dục là một hình thái ý thức xã hội, là hiện tượng văn minh của xã hội loài người. Về bản chất, giáo dục là sự truyền đạt và tiếp thu kinh nghiệm xã hội - lịch sử của thế hệ trước (và của nhân loại) cho thế hệ sau (và mỗi cá nhân) một cách có ý thức, có tổ chức. Về mục đích giáo dục là sự định hướng của thế hệ trước cho sự phát triển của thế hệ sau. Giáo dục là cơ sở và chuẩn bị cho thế hệ sau thuận lợi khi tham gia cuộc sống xã hội giúp mỗi cá nhân đạt tới hạnh phúc và là cơ sở đảm bảo cho sự kế thừa tiếp nối và phát triển những thành quả văn hóa của xã hội loài người. Qua đó, ta có thể đi đến kết luận rằng: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại được kế thừa, bổ sung và trên cơ sở đó mà xã hội con người không ngừng tiến lên.

1.2. Đào tạo

Đây là một phạm trù giáo dục, để chỉ riêng lĩnh vực giáo dục về nghề nghiệp, với một trình độ nghề nghiệp nhất định. Đào tạo hiểu như là một quá trình truyền thụ và lĩnh hội của một hệ thống tri thức kỹ năng, kỹ xảo của một nghề nghiệp nhất định. Thời gian đào tạo tùy vào mức độ đạt được của kỹ năng nghề nghiệp, của trình độ nghề nghiệp nhất định.

2. Bậc học, cấp học

Hệ thống giáo dục quốc dân là một tập hợp các cơ quan chuyên trách về giáo dục - đào tạo của một quốc gia và các mối liên hệ chức năng giữa cơ quan này, trong đó mạng lưới các trường học và các cơ sở đào tạo tạo thành cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng để tiến hành giáo dục thế hệ trẻ và đào tạo nhân lực theo yêu cầu xã hội. Hệ thống các trường học được xây dựng thống nhất trên phạm vi cả nước, được sắp xếp thành các bậc học, cấp học.

Bậc học: Là một giai đoạn giáo dục đào tạo, là hình thành một trình độ học vấn (văn hóa hay chuyên môn) xác định.

Hiện nay trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân có các bậc học sau:

- Bậc giáo dục mầm non
- Bậc giáo dục phổ thông
- Bậc giáo dục nghề nghiệp
- Bậc giáo dục đại học và sau đại học.

Trong mỗi bậc học, lại chia thành các cấp học.

Cấp học: Cấp học là thành phần thuộc bậc giáo dục và đào tạo, có mục tiêu xác định ứng với một trình độ bộ phận của bậc đó.

Ví dụ: Bậc phổ thông có 3 cấp: cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông.

3. Danh mục ngành và danh mục nghề

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng cục Thống kê đã ban hành quyết định số 1595/Trung học chuyên nghiệp ngày 7/4/1991: “*Danh mục ngành đào tạo trung học chuyên nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Kèm theo đó là bản danh mục ngành đào tạo số 30/Trung học chuyên nghiệp - dạy nghề ngày 10-4-1991. Ví dụ: Danh mục ngành y số 17 có các chuyên ngành sau:

- Y sĩ trung học
- Điều dưỡng trung học
- Hộ sinh trung học
- Kỹ thuật viên ngành y

Danh mục ngành nghề thuật thuộc ngành số 23 có các chuyên ngành sau:

- Âm nhạc
- Sân khấu
- Múa
- Xiếc
- Mỹ thuật
- Điện ảnh

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng cục Thống kê đã ban hành “*Danh mục nghề đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” theo Quyết định số 59/Trung học chuyên nghiệp - Dạy nghề ngày 9-1-1992. Theo đó có kèm bản danh mục nghề nghiệp. Ví dụ, danh mục nghề mộc:

- Mộc dân dụng
- Mộc mẫu

Mộc xây dựng

Mộc cầu

Sản xuất ván.

Hoặc danh mục nghề công nhân chăn nuôi:

Nuôi gia súc, gia cầm

Nuôi trâu, bò sữa

Nuôi động vật làm thuốc

Nuôi trồng thủy sản

Thứ y

4. Các hình thức đào tạo và bồi dưỡng

(Theo Luật Giáo dục năm 1998, trong hệ thống giáo dục quốc dân có 2 phương thức đào tạo là chính quy và không chính quy)

Hình thức đào tạo là toàn bộ những cách thức tổ chức hoạt động của giáo viên và học sinh trong quá trình đào tạo ở thời gian và địa điểm nhất định với những phương pháp, phương tiện dạy học cụ thể nhằm thực hiện một mục tiêu đào tạo giúp học viên có được những phẩm chất, năng lực phù hợp một trình độ nghề nghiệp nhất định.

Hình thức đào tạo khác nhau chủ yếu tùy theo mối quan hệ giữa việc dạy học có tính tập thể hay tính cá nhân, mức độ tính tự lực hoạt động nhận thức của người học, chế độ làm việc, thành phần học sinh, địa điểm và thời gian học tập.

Hình thức đào tạo có mối quan hệ chặt chẽ với mục tiêu nội dung và phương pháp đào tạo với tư cách là những thành tố của quá trình đào tạo.

Hình thức tổ chức quá trình đào tạo hình thành và phát triển cùng với sự thay đổi các điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa khoa học.

Hiện nay nước ta có các hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, đào tạo từ xa, đào tạo qua mạng.

Bồi dưỡng là hình thức bổ sung kiến thức, cập nhật lượng kiến thức mới phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng với một trình độ tương ứng nhằm nâng cao kiến thức cho người học.

Các loại hình trường lớp đang thực hiện đào tạo

Đặc điểm trường lớp (loại hình đào tạo)	Trách nhiệm quản lý, điều hành và đầu tư chính về cơ sở vật chất	Trách nhiệm chính về trả lương, chi dùng thường xuyên	Ghi chú
1. Công lập	Nhà nước	Nhà nước	
2. Bán công	Nhà nước	Nhà trường tự quản thu chi	
3. Dân lập	Tổ chức xã hội	Tổ chức xã hội có trách nhiệm quản lý, điều hành	Có thể có hỗ trợ của Nhà nước
4. Tư thục	Tư nhân	Tư nhân có trách nhiệm quản lý, điều hành	Có thể có hỗ trợ của Nhà nước

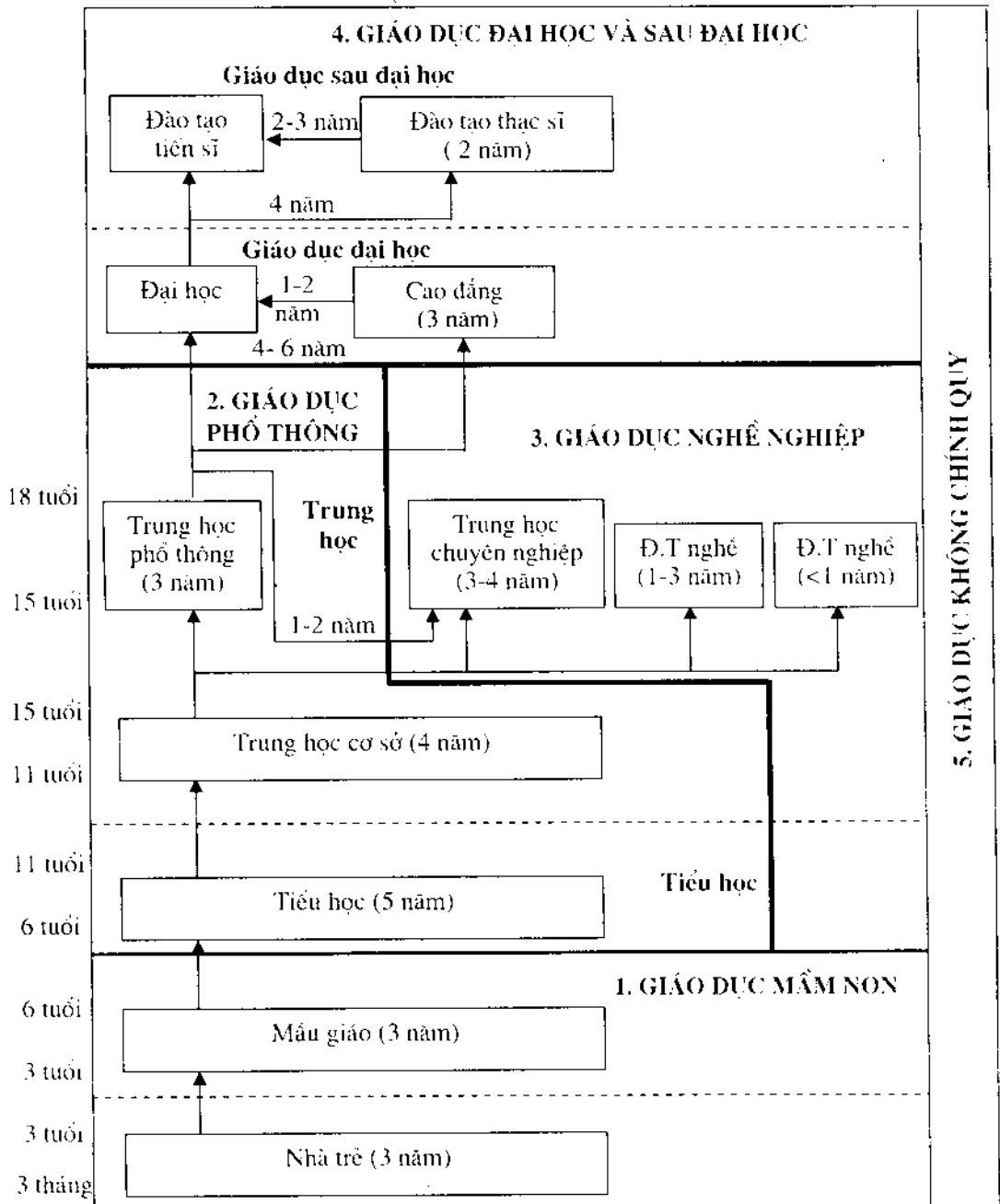
II. VỊ TRÍ CỦA HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ

Luật Giáo dục (năm 1998), quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống văn bằng chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bậc giáo dục chuyên nghiệp là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho quốc gia

Bậc giáo dục chuyên nghiệp tiếp nhận một bộ phận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và có mục tiêu đào tạo họ trở thành các kỹ thuật viên trung học, nhân viên nghiệp vụ có trình độ trung học và công nhân kỹ thuật dạy nghề dài hạn.

*Sơ đồ cơ cấu khung của hệ thống
GDQD Việt Nam theo luật GD*



(Nguồn: Phan Văn Kha - Viện Chiến lược và chương trình giáo dục)

Bậc và cấp học	Thời gian khung của quá trình GD-ĐT theo hình thức tập trung chính quy	Tuổi chuẩn vào lớp đầu hoặc năm đầu	Điều kiện học lực để được vào học lớp đầu hoặc năm đầu	Văn bằng tốt nghiệp
I. Bậc giáo dục mầm non Nhà trẻ Mẫu giáo	3 năm 3 năm	3-4 tháng 3 tuổi		
II. Bậc giáo dục phổ thông Tiểu học Trung học cơ sở Trung học chuyên ban	5 năm 4 năm 3 năm	6 tuổi 11 tuổi 15 tuổi	Có bằng tiểu học Có bằng trung học cơ sở	Bằng tiểu học Bằng trung học cơ sở Bằng tú tài
III. Bậc giáo dục chuyên nghiệp Day nghề ngắn hạn Day nghề dài hạn Trung học chuyên nghiệp	< 1 năm 1-2 năm 3-4 năm	11-13 tuổi 15 tuổi 15 tuổi	Có bằng trung học cơ sở Có bằng trung học cơ sở	Chứng chỉ nghề Bằng nghề Bằng TH chuyên nghiệp
IV. Bậc giáo dục đại học Cao đẳng Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ	3 năm 4-6 năm 2 năm 4 năm hoặc 2 năm	18 tuổi 18 tuổi	Có bằng tú tài hoặc bằng trung học chuyên nghiệp . Có bằng cử nhân Có bằng cử nhân hoặc bằng cao học	Bằng cao đẳng Bằng cử nhân, kỹ sư Bằng thạc sĩ Bằng tiến sĩ

(Theo Luật Giáo dục 1998)

1. Hệ thống đào tạo trung học chuyên nghiệp

Là một bậc đào tạo của giáo dục chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trường trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ đào tạo những cán bộ thực hành có trình độ trung học về kỹ thuật và nghiệp vụ kinh tế, là những cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, y tế.

Hiện nay đất nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì giáo dục nghề nghiệp có vị trí hết sức quan trọng vì nó trực tiếp góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Cùng với việc tạo ra nguồn lực vật chất và nguồn lực tài chính, điều quan trọng nhất hiện nay là cần tăng trưởng nguồn lực con người Việt Nam, tạo ra đội ngũ người lao động có đủ phẩm chất, năng lực và một trình độ mới, cao hơn nhiều so với trước đây.

2. Hệ thống đào tạo nghề

Hệ thống đào tạo nghề tiếp nhận học sinh đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở hoặc phổ thông trung học để đào tạo nghề. Là một bậc đào tạo của giáo dục chuyên nghiệp và là bậc thấp hơn trung học chuyên nghiệp.

Mục tiêu của trường dạy nghề là đào tạo nhân lực có hiểu biết về kỹ thuật và có kỹ năng lao động ở trình độ công nhân, trực tiếp lao động trong các nhà máy doanh nghiệp và các thành phần kinh tế.

Trình độ tay nghề tùy vào mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy vào thời gian đào tạo.

3. Các loại hình trường, lớp đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề

Để đáp ứng yêu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động xã hội, nhà nước có chủ trương phát triển mạnh các hình thức đào tạo nghề dài hạn và đào tạo ngắn hạn thích hợp với từng vùng, miền. Các doanh nghiệp lớn tổ chức cơ sở đào tạo công nhân cho mình và trang trải phần lớn chi phí đào tạo. Hệ thống dạy nghề công lập đảm nhận nhu cầu về nhân lực có tay nghề cao trên cơ sở thu phí đào tạo qua hợp đồng với các doanh nghiệp và người học. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí chi thường xuyên cho đào tạo nghề (kể cả các trường do tổng công ty quản lý) và đầu tư ban đầu cho những lĩnh vực đào tạo quan trọng và những nơi khó khăn. Hiện nay nhà nước rất khuyến khích

thành lập thêm các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập như: Trường bán công, trường dân lập, trường tư thục nhằm xã hội hóa giáo dục và góp phần đáp ứng nhu cầu rất lớn của nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. Xu thế phát triển của giáo dục chuyên nghiệp trên thế giới

4.1. Xu thế chung

Thế giới bước vào kỷ nguyên “công nghệ thông tin” và sự hội nhập diễn ra trên nhiều mặt. Trong quá trình đó các quốc gia kém phát triển phải đối mặt với những thử thách to lớn đồng thời cũng có nhiều cơ hội phát triển, rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển. Trước xu thế toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ, các nước đều có đối sách để tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu những nguy cơ do hội nhập gây ra.

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật - công nghệ, máy móc, tự động hóa ngày càng thay thế sức người, lực lượng lao động trực tiếp, người trực tiếp sản xuất trong nông - công nghiệp ngày một giảm đi về số lượng và tăng cường về chất lượng lao động kỹ thuật. Mặt khác, do sản xuất kinh tế phát triển nhu cầu cuộc sống có nhiều mặt không ngừng tăng lên dẫn đến trong xã hội hiện đại nghề dịch vụ ngày một phát triển, lao động dịch vụ ngày một tăng.

Bước vào thế kỷ hai mốt, loài người đang đứng trên thềm của một kỷ nguyên mới đó là nền văn minh hậu công nghiệp - nền văn minh tin học - trí tuệ. Làn sóng văn minh này từ các nước công nghiệp phát triển đang tràn vào các nước đang phát triển, kể cả các nước về cơ bản còn là nền kinh tế nông nghiệp. Sự bùng nổ thông tin đã mở rộng tầm nhìn của con người, tạo điều kiện cho sự phát triển khoa học - công nghệ, tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật - công nghệ, kinh tế xã hội hiện nay đòi hỏi giáo dục phải nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và hàm lượng chất xám ngày càng cao. Trí tuệ bắt đầu nắm giữ vai trò nòng cốt trong nền kinh tế tri thức.

Do đó, thế giới đang hình thành các xu thế chiến lược phát triển giáo dục như sau:

4.1.1. Chiến lược phát triển giáo dục của UNESCO

Thế giới ngày nay có nhiều biến đổi cực kỳ nhanh, với sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật và công nghệ, sự hình thành nền kinh tế tri thức, toàn cầu hóa trở thành một xu thế tất yếu khách quan không cưỡng lại được. Tình hình đó đòi hỏi con người phải thay đổi tư duy kịp thời nhất là cách nhìn, tầm

nhìn, về yêu cầu rất cao và sự thích nghi. Từ năm 1971, UNESCO chủ trương đẩy mạnh phát triển giáo dục theo chiến lược bao gồm 21 điểm mà tư tưởng chủ yếu của nó là:

1) Giáo dục thường xuyên phải là nét chủ đạo của mọi chính sách giáo dục, giáo dục suốt đời, giáo dục bằng mọi cách, giáo dục cho mọi người, xây dựng một xã hội học tập. Giáo dục phải được tiến hành và tùy theo bằng nhiều cách thức khác nhau. Điều quan trọng ở đây là học cái gì? Học được cái gì?

Đạo đức mới của giáo dục là nhằm làm cho mỗi người trở thành người dạy và người kiến tạo nên sự tiến bộ văn hóa của bản thân mình.

2) Phải xóa bỏ sự phân biệt cứng nhắc giữa các ngành giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp. Ngay từ bậc tiểu học giáo dục đã phải mang đặc tính kết hợp lý thuyết, công nghệ, thực hành và thủ công. Giáo dục không chỉ dạy cho học sinh có học vấn, phải thực hành, thực nghiệm để có tay nghề, vào đời có thể lao động được ngay, không bỏ nghề. Phát triển giáo dục gắn liền với phát triển kinh tế xã hội. Phải đặc biệt chú ý giáo dục hướng nghiệp, định hướng để có thể lập thân, lập nghiệp.

3) Giáo dục trẻ em trước tuổi đến trường phải là một mục tiêu lớn trong chiến lược giáo dục. Giáo dục cơ bản phổ thông phải là mục tiêu hàng đầu của chính sách giáo dục.

4) Giáo viên phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục hơn những chuyên gia truyền đạt kiến thức. Việc giảng dạy phải thích nghi với người học chứ không phải bắt người học tuân theo các quy định có sẵn từ trước theo thông lệ cổ truyền.

Tiếp theo, Đại hội đồng lần thứ 26 của UNESCO năm 1991 đã thành lập “Ủy ban Quốc tế về giáo dục cho thế kỷ thứ 21”. Vấn đề trung tâm mà ủy ban tập trung vào giải đáp là: Cần loại hình giáo dục nào để phục vụ loại hình xã hội trong ngày mai? Sẽ xem xét vai trò mới của giáo dục, đòi hỏi mới đối với giáo dục trong thế giới tăng trưởng nhanh về kinh tế, xã hội. Nghiên cứu các xu thế chủ yếu để phát triển giáo dục trong sự tiến hóa của xã hội hiện đại. Đánh giá trình độ kiến thức và kinh nghiệm của các nền giáo dục đã đạt kết quả tốt nhất trong các nền kinh tế, văn hóa, chính trị khác nhau. Sẽ tập trung nghiên cứu người học, người dạy (giáo viên, phụ huynh, xã hội và các lực lượng giáo dục khác). Nghiên cứu tất cả các cấp học, từ nhà trẻ đến đại học, giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy.

Trên cơ sở 21 khuyến nghị của UNESCO Ủy ban Quốc tế về giáo dục cho thế kỷ 21 đã đề ra 6 nguyên tắc cơ bản đối với tất cả các lực lượng giáo dục, các nhà quản lý giáo dục, các nhà giáo dục:

1) Giáo dục là quyền cơ bản của con người và cũng là giá trị chung nhất của nhân loại.

2) Giáo dục, cả chính quy và không chính quy, đều phục vụ xã hội; Giáo dục là công cụ để sáng tạo, tăng tiến và phổ biến tri thức và khoa học, đưa tri thức và khoa học đến với mọi người.

3) Các chính sách giáo dục phải chú ý phối hợp hài hòa cả ba mục đích: Công bằng, thích hợp và chất lượng.

4) Muốn tiến hành cải cách giáo dục phải xem xét kỹ lưỡng và hiểu biết sâu sắc về thực tiễn, chính sách và các điều kiện cũng như các yêu cầu của từng vùng.

5) Vì các vùng khác nhau về kinh tế, xã hội và văn hóa, cho nên phải có các cách tiếp cận phát triển giáo dục thích hợp với từng vùng. Nhưng các cách tiếp cận đa dạng ấy phải chú ý tới các giá trị chung, các mối quan tâm của cộng đồng quốc tế. Các quyền con người, bao dung và hiểu biết, dân chủ, trách nhiệm, tính toán, bản sắc văn hóa, bảo vệ hòa bình, môi trường, chia sẻ tri thức, giảm đói nghèo, dân số, sức khỏe.

6) Giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả mọi người.

Ủy ban này cũng đã xác định 7 chức năng giáo dục của thế kỷ 21 như sau:

1) Đóng góp vào sự phát triển toàn diện của các cá nhân để cho họ phát triển hết tiềm năng của họ trong xã hội đa dạng.

2) Giáo dục các cá nhân thành các tồn tại xã hội, có khả năng cùng nhau hợp tác, đối thoại và thực hiện những trách nhiệm của công dân.

3) Giáo dục tinh thần công dân, bao gồm việc lĩnh hội các kỹ năng cơ bản của cuộc sống để chuẩn bị cho từng cá nhân và nhóm tham gia vào lao động xã hội.

4) Giáo dục phục vụ sự cấu kết xã hội có vai trò quan trọng để giải quyết vấn đề gạt người ta ra lề đường đi vào tội lỗi và xung đột.

5) Quan hệ giữa giáo dục, lao động và việc làm: Cân đối giữa tri thức và biết cách làm công nghệ để mọi người thích nghi với sự biến đổi và yêu cầu của thị trường lao động.

6) Giáo dục và phát triển: Ở đây phải giải quyết vấn đề dân số; vấn đề tạo ra năng lực sáng tạo, khuyến khích nhân tài.

7) Giáo dục, nghiên cứu khoa học tạo ra các tri thức mới, tăng cường năng lực cho từng người và cho cả dân tộc có đủ sức sống trong xã hội quốc tế ngày càng tăng tính chất toàn cầu.

Trong báo cáo tổng kết với đầu đề “*Học tập: Cửa cái của nội sinh*” của Ủy ban quốc tế chuẩn bị giáo dục đi vào thế kỷ 21 của UNESCO đã nêu lên 7 vấn đề mà giáo dục phải đương đầu giải quyết, đó là:

1) Quan hệ giữa toàn cầu và địa phương: Mỗi người dần dần trở thành công dân quốc tế, đồng thời vẫn tiếp tục là thành viên tích cực của cộng đồng, của quốc gia.

2) Quan hệ giữa toàn cầu và cá thể: Có văn hóa của nhân loại toàn cầu, có văn hóa bản sắc của từng dân tộc, từng khu vực. Xu thế toàn cầu hóa là xu thế không tránh khỏi, tôn trọng và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, khu vực là tất yếu, đồng thời trong thời đại mới cá tính của từng con người lại có điều kiện phát triển và phải được tôn trọng hơn bao giờ hết.

3) Quan hệ giữa truyền thống và hiện đại: Làm sao để tiến lên cập nhật với thế giới đầy biến động, những thay đổi trong cuộc sống, những tiến bộ khoa học kỹ thuật mà không quay lưng lại với quá khứ, mỗi người phát huy tự chủ mà không hạn chế người khác tự do phát triển. Công nghệ thông tin mới phải vượt qua thách thức này.

4) Quan hệ giữa lâu dài và trước mắt: Đây là vấn đề muôn thuở của giáo dục, như ngày hôm nay nó lại nổi lên rất rõ nét. Phải dạy cái gì và dạy thế nào để đáp ứng cả yêu cầu tạm thời lẫn yêu cầu lâu bền, yêu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài, làm sao cân đối thoả mãn cung cấp một khối lượng thông tin đồ sộ và nhu cầu của đời sống tình cảm. Biết bao vấn đề nhân dân đòi hỏi đáp ứng nhanh chóng và kịp thời, trong khi đó nhiều vấn đề chính sách giáo dục thực tế lại đòi hỏi nhiều vấn đề bàn định, trao đổi kỹ lưỡng rồi mới cải cách. Giáo dục là vấn đề trọng đại của ngày hôm nay và ngày mai.

5) Quan hệ giữa cạnh tranh và bình đẳng cơ hội:

Đây là vấn đề của muôn đời, các nhà hoạch định chính sách, cả trong kinh tế, cả trong xã hội lẫn trong giáo dục. Nhiều nơi đã có những quyết định thích hợp, nhưng chưa ai dám nói là đã giải quyết tốt vấn đề này. Để góp phần giải quyết mối quan hệ này, giáo dục phải suy nghĩ cho hoàn chỉnh hơn và cập nhật quan điểm giáo dục suốt đời nhằm điều phối 3 lực:

- Cạnh tranh tạo động lực
- Hợp tác tạo sức lực
- Liên kết tạo hợp lực

6) Quan hệ giữa khối lượng tri thức ngày càng tăng quá nhanh với khả năng tiếp thu của con người. Chắc là không thể tăng số bộ môn lên tương ứng được, mà buộc chúng ta phải làm các chương trình bộ môn rất hợp lý, biết lựa chọn, đặc biệt đảm bảo tính cơ bản của nền giáo dục cơ sở (hiện nay có nước là tiểu học, có nước là phổ thông cơ sở) dạy cho trẻ em cách sử dụng tri thức, thông qua thực nghiệm, phát triển nhân cách văn hóa để nâng cao cuộc sống của bản thân.

7) Mối quan hệ giữa tinh thần và vật chất: Vấn đề giáo dục lý tưởng và giá trị đạo đức. Số mệnh cao cả của giáo dục chính ở đây làm sao cho mỗi người hành động phù hợp với truyền thống và niềm tin, chú ý đến tất cả các mặt của cuộc sống, từ vật chất, nhưng lại phải nâng trí tuệ, tinh thần, tâm lý, tâm linh lên một tầm cao mới, bảo đảm sự tồn vong và phát triển nhân loại, toàn cầu cũng như mỗi người vượt qua bản thân tự phát triển một cách bền vững.

Do đó, Đại hội đồng lần thứ 27 của UNESCO (tháng 11/1993) đưa ra vai trò quan trọng của giáo dục thế kỷ thứ 21 các báo cáo nói lên tầm quan trọng của giáo dục trong thế kỷ 21, nó là chìa khóa tiến tới một thế giới tốt đẹp hơn, vai trò của giáo dục là phát triển tiềm năng của con người. Giáo dục là đòn bẩy mạnh mẽ nhất mà chúng ta cần có để tiến vào tương lai, giáo dục là quyền cơ bản nhất của con người, giáo dục là điều kiện tiên quyết để thực hiện nhân quyền, dân chủ, hợp tác trí tuệ, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, phải quan niệm một cách đầy đủ vai trò của giáo dục trong công cuộc phát triển con người, phát triển đất nước, phát triển nhân loại trong thời đại mới: Giáo dục không phải chỉ là tích tụ tri thức mà còn là thức tỉnh tiềm năng sáng tạo to lớn cho mỗi con người, cho phép tất cả chúng ta phát triển tất cả tiềm năng, đóng góp tốt hơn cho xã hội.

4.1.2. Trong những năm qua tất cả các nước phát triển đã chuẩn bị xong về chiến lược và thử nghiệm cho sự phát triển giáo dục trong những năm tới để bước vào thế kỷ 21 một cách vững chắc

Năm 1988 Hàn Quốc đã công bố cuộc cải cách nền giáo dục mới. Năm 1999 nước Pháp ra luật định hướng phát triển giáo dục mới. Nhiều nước trong khu vực chúng ta trong mười năm qua đã tổ chức hội nghị về phát

triển giáo dục cho thế kỷ 21. Ở nước Anh từ năm 1988 đến 1992 chuẩn bị đầy đủ về định hướng, điều kiện phát triển giáo dục, làm thử nghiệm ở khoảng 500 ÷ 600 trường phổ thông trung học và các trường nghề, mỗi nghị sĩ phụ trách một trường, và hoàn thành thử nghiệm vào năm 1996, có chương trình canh tân giáo dục 1998-2000.

Ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010” (Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg, ngày 25-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Các nước hiện đang tiến hành cải cách hay canh tân giáo dục theo mấy xu hướng chính sau đây:

a) Tăng cường giáo dục nhân văn. Năm 1987 UNESCO đưa ra khái niệm *giáo dục quốc tế*. Tháng 12/1994 Hội nghị Giáo dục toàn thế giới họp ở Giơnevơ (Thụy Sĩ) với tư tưởng chủ yếu là giáo dục nhân văn, tinh thần hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bao dung. Chúng ta thường nói nhân ái, độ lượng. Trên thế giới hiện nay, các nước độc lập nhưng phụ thuộc lẫn nhau. Người ta gọi quá trình đó là toàn cầu hóa và đưa ra khái niệm làng toàn cầu. Độc lập và hội nhập, hợp tác và đấu tranh với nhau, không ai có thể đứng riêng một mình được.

Muốn có một thế giới như vậy thì phải giáo dục nhân bản (giáo dục quốc tế), nhất là thái độ con người phải tôn trọng nhau, chiêm ngưỡng nhau, lắng nghe nhau. Giáo dục con người, theo tư tưởng phương Đông, nhân ái là điều quan trọng đầu tiên. Tư tưởng Việt Nam là nhân nghĩa, đại nghĩa, tình nghĩa.

b) Công nghệ thông tin. Các nước muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu thì phải tiếp nhận công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin, và phải đưa công nghệ đó vào lĩnh vực sản xuất và đời sống. Vấn đề đặt ra là phải dạy tin học từ mẫu giáo, tiểu học, dùng Internet.

c) Đào tạo những con người có năng lực thực sự đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội, biết làm kinh tế, biết quản lý xã hội, biết phát triển xã hội. Ở các nước, họ dạy văn hóa - hướng nghiệp - định nghiệp - lập nghiệp, thậm chí dạy làm doanh nghiệp. Họ đào tạo những con người có trí thức và có những kỹ năng rất cụ thể. Xu thế giáo dục trẻ tự lập rất rõ, giáo dục trẻ tinh thần tự lập càng sớm càng tốt.

Làm kinh tế phải có lợi nhuận, muốn có lợi nhuận phải có công nhân, công nhân càng giỏi thì lợi nhuận càng nhiều. Do đó, phải nghĩ đến lực lượng lao

động. Giáo dục gắn liền với nguồn nhân lực. Tổ chức, hướng dẫn thị trường lao động, sử dụng lao động theo đúng luật giá trị, thực sự trọng dụng người tài.

d) Hiện đại hóa các phương pháp. Thực chất là dùng các phương tiện hiện đại để thực hiện cá thể hóa phương pháp dạy học. Dạy học theo từng học sinh, từng xu hướng, năng lực, hứng thú và triển vọng của mỗi học sinh. Đây là xu thế của tất cả các nước tiên tiến.

Ở các nước phát triển, học sinh học theo khả năng của mỗi người. Phương tiện dạy học ngày càng hiện đại, giáo viên phải rất giỏi, rất tâm huyết. Do đó, năng lực, xu hướng, hứng thú của trẻ em được phát triển một cách tối đa. Tất nhiên phải tập trung vào giáo dục nhân cách. Nhân cách là của từng người, không thể giáo dục đồng loạt được. Chủ nghĩa tập thể là tiến bộ, song nếu hiểu sai và nhất là vận dụng sai nó có thể tiêu diệt sự sáng tạo của từng con người. Tuy có lúc phải dùng tập thể như một phương pháp vẫn được đánh giá cao, vẫn là cần thiết. Nhưng sử dụng lý thuyết tập thể tràn lan trong giáo dục là điều không thể chấp nhận được. Dạy học phù hợp với từng học sinh là một xu thế hiện đại.

Hiện nay, ở các nước thường chiếm khoảng 3 - 8% ngân sách. Trong đó ngân sách giáo dục chi tiền lương khoảng 40%, còn 60% chi cho dạy học. Ở nước ta, mặc dù chi cho giáo dục từ 12 đến 15% ngân sách nhưng 60% là chi cho lương giáo viên và cán bộ quản lý, hiện nay thiếu quá nhiều thiết bị dạy học.

Theo J.Delors để đáp ứng các thách thức mới, mọi nền giáo dục phải giải quyết 4 vấn đề chủ yếu sau đây:

- Trước hết nền giáo dục phải có khả năng đóng vai trò quyết định trong phát triển và thực hiện các chức năng kinh tế, khoa học và văn hóa. Giáo dục phải đảm bảo đào tạo ra lực lượng lao động sáng tạo và có chất lượng cao thích ứng với công nghệ cao và là bộ phận của "Cách mạng trí tuệ", là động lực của các nền kinh tế tri thức. Giáo dục cũng phải dẫn đến các kiến thức tiên tiến sao cho sự phát triển kinh tế phải hài hòa với sự quản lý có trách nhiệm môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Giáo dục cũng chỉ có thể thành công nếu có sản sinh ra các công dân bắt rễ sâu trong nền văn hóa dân tộc của họ đồng thời có khả năng tiếp nhận được các tinh hoa của các nền văn hóa khác cho sự tiến bộ xã hội.

- Hai là, giáo dục phải đáp ứng được các xu hướng mới của xã hội. Điều đó dẫn đến một trong các trách nhiệm cơ bản của giáo dục. Đó là phải chuẩn bị

sẵn sàng cho đổi thay bất chấp sự gia tăng thiếu an toàn đã tràn ngập chúng ta bằng các nghi ngờ và không xác định. Giáo dục phải tính đến một loạt các yếu tố tương liên và tương tác, mà chúng thường xuất hiện khi xảy ra sự việc về các giá trị cá nhân xã hội, về cấu trúc gia đình, vai trò của phụ nữ, quy chế của các dân tộc thiểu số, về các vấn đề phát triển đô thị hoặc các vấn đề về môi trường.

- Ba là các mối quan hệ giữa hệ thống giáo dục và Nhà nước. Những vai trò và trách nhiệm của Nhà nước, sự ủy thác một phần quyền lực của Nhà nước cho chính quyền trung ương hoặc địa phương, sự hài hòa cần có giữa giáo dục ở các trường công lập và tư thục. Mà các vấn đề này lại thay đổi tùy từng lúc.

- Bốn là sự xây dựng các quy định về các giá trị của sự hiểu biết lẫn nhau, sự cởi mở trong quan hệ với người khác. Tóm lại là các giá trị của hòa bình, liệu giáo dục có thể có ý nghĩa phổ quát? Giáo dục có thể, bởi chính nó như một nhân tố lịch sử, tạo ra ngôn ngữ chung để dẫn đến khả năng vượt qua một số mâu thuẫn, đáp ứng một số mâu thuẫn, thách thức và bất chấp sự đa dạng, lưu chuyển được các bản thông điệp cho mọi cư dân của hành tinh. Cũng với ngôn ngữ đó, tốt nhất là mọi người có thể tiếp cận được mọi sự khôn ngoan của thế giới và mọi sự giàu có của các nền văn minh, các nền văn hóa sẽ được biểu thị dưới dạng hiểu được ngay.

đ) Xây dựng xã hội học tập.

Nguyên tắc nhà trường hoạt động luôn gắn liền với xã hội, đã được nêu lên từ lâu, tuy nhiên, tình hình mới đòi hỏi mức độ tích hợp của nhà trường vào trong xã hội, phải mới về vật chất, sâu sắc hơn, toàn diện hơn. Điều đó có nghĩa là nhà trường trong khi đóng vai trò chính để truyền thụ kiến thức và rèn luyện con người theo các chương trình quy định, còn được bổ trợ về mọi mặt bởi tất cả các thành phần của cuộc sống xã hội, của mọi thiết chế xã hội, của môi trường lao động, giải trí, nghỉ ngơi, của mọi hoạt động truyền thống đại chúng. Giáo dục chuyển từ chỗ dựa vào cách tiếp cận “đạy” là chính với sự chủ trì của “người dạy” đối với người học sang tiếp cận “học” là chính nghĩa là người dạy chủ yếu đóng vai trò hướng dẫn còn người học chủ động nhất là khi đã ở tuổi trưởng thành - trực tiếp hấp thụ kiến thức mà xã hội cung cấp. Các xã hội, mà cấu hình xã hội của nó thừa nhận một vị trí như trên cho giáo dục và thiết lập một quy chế như vậy cho giáo dục thì bản thân xã hội như thế có thể được gọi là xã hội học tập.

Xã hội học tập trước hết phải bảo đảm quyền được giáo dục cho mọi người. Hiện nay trên thế giới còn hàng tỷ người mù chữ, hàng trăm triệu trẻ em không được đi học mà bị bóc lột sức lao động thậm tệ ở khắp nơi, kể cả ở các nước công nghiệp phát triển. Quyền được giáo dục là một bộ phận không thể thiếu được của nhân quyền. Chúng ta đều hiểu rằng con người trước hết là con người của xã hội, bởi vậy xã hội phải có trách nhiệm không thể thoái thác được là đảm bảo cho con người, một khi đã được sinh ra, phải được giáo dục; truyền đạt cho nó một kho tàng văn hóa, kho tàng tri thức chung của xã hội và từ đó giao trách nhiệm cho nó thực hiện chức năng của con người xã hội. Giáo dục sẽ phải miễn phí ít nhất là ở bậc sơ học và bậc cơ bản, giáo dục sơ cấp phải là phổ cập bắt buộc. Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật sẽ phải trở thành tiếp cận được cho mọi người. Giáo dục đại học sẽ có cơ hội bình đẳng cho mọi người trên cơ sở thật xứng đáng. Giáo dục sẽ phải hướng tới sự phát triển đầy đủ nhân cách và củng cố sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản. Giáo dục sẽ khuyến khích động viên sự thông cảm, sự tha thứ và tình hữu nghị đối với mọi dân tộc, mọi nhóm sắc tộc, tôn giáo nhằm bảo vệ, củng cố hòa bình, phụ huynh có thể ưu tiên lựa chọn loại hình giáo dục cho con em mình.

Một xã hội học tập chắc chắn phải đảm bảo quyền được giáo dục nói trên cho mọi người. Khó mà kể ra nước nào trên thế giới hiện nay có xã hội học tập.

Có thể nói, xuất phát điểm của việc thực hiện quyền được giáo dục là cuộc đấu tranh xóa nạn mù chữ (bao gồm cả chống tái mù chữ). Việc xóa mù chữ liên quan chặt chẽ với việc mở rộng giáo dục học đường. Trong khi phát triển mọi hình thức để xóa mù chữ bằng việc phổ cập giáo dục sơ học thì chú trọng các hình thức phi chính quy để xóa mù chữ cho người lớn thất học và trẻ em không được đi học như “bình dân học vụ” hoặc “lớp học tình thương”. Chỉ có kết hợp giáo dục học đường và giáo dục ngoài học đường mới tạo ra khả năng thực tiễn để thực hiện việc giáo dục cho mọi người trong tương lai không xa. Nội dung phối hợp mở rộng giáo dục sơ học với phong trào xóa mù chữ là cốt lõi của cuộc vận động giáo dục cho mọi người vào những năm 80 trên toàn thế giới.

Tiến sang thế kỷ 21, giáo dục đứng trước các đổi thay của thế giới ngày nay. Các tiến bộ nhanh chóng tạo ra bởi khoa học và công nghệ vừa là hy vọng, vừa là thách thức to lớn; các vấn đề của toàn cầu hóa và phụ thuộc giữa các quốc gia, sự gia tăng cách biệt; khát vọng được khẳng định bản sắc văn hóa, đòi hỏi tôn trọng đa dạng; sự nổi lên của các mâu thuẫn giữa truyền thống và

hiện đại, giữa cạnh tranh bình đẳng và cơ hội, giữa bùng nổ kiến thức và khả năng tiếp thu. Giáo dục với tư cách là yếu tố quyết định cho sự phát triển xã hội, cần phải đáp ứng được các xu hướng lớn đó. Muốn vậy, giáo dục phải dựa trên “bốn trụ cột”.

Với nguyên tắc đó, trong thế giới hiện đại, việc học suốt đời sẽ gắn liền với xã hội học tập mà ở đó mọi thứ đều có khả năng tạo ra cơ hội học tập và làm giàu tiềm năng của mỗi người. Việc đào tạo lại rất cần thiết vì không thể đào tạo một lần cho cả cuộc đời, vì vậy việc học liên tục đảm bảo cho việc tiếp thu kiến thức mới trong suốt cuộc đời; học ở trường, học ở nhà, học ở ngoài nhà trường, học ở nơi làm việc và trong cuộc sống xã hội.

4.2. Giới thiệu một số nước cụ thể

4.2.1. Đặc điểm phát triển giáo dục Hàn Quốc.

Hàn Quốc là một trong các nước thuộc nhóm công nghiệp mới (NIC) ở châu Á. Trong 2 thập kỷ qua nhờ có chiến lược phát triển khôn khéo về kinh tế và giáo dục. Hàn Quốc đã đạt được những kết quả phát triển kinh tế thần kỳ. Những tiến bộ về kinh tế khoa học kỹ thuật gắn liền với sự phát triển về giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực lao động kỹ thuật phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế. Để chuẩn bị bước vào thế kỷ 21, Hàn Quốc đang đầu tư nghiên cứu lại mô hình lí tưởng mà nhà trường phải đào tạo là con người trọn vẹn (whole person) theo quan điểm của họ là con người “tự học, tự lực cánh sinh và tự giáo dục”. Hiện nay, Hàn Quốc đã hoàn thành phổ cập đến cấp III. Hàng năm gần 75% học sinh tiểu học được chuyển lên trung học, 75% học sinh tốt nghiệp sơ trung được vào cao trung, 60% số học sinh tốt nghiệp cao trung vào cao đẳng và đại học. Với tỷ lệ chuyển cấp cao như vậy, Hàn Quốc không gặp những vấn đề gay gắt trong quá trình cấu trúc lại bậc trung học như các nước có sự mất cân đối về tỷ lệ học sinh tiểu học, trung học và đại học. Trong các loại hình trường phổ thông (bậc tiểu học và sơ trung) nội dung giáo dục kỹ thuật - lao động là một bộ phận cấu thành nội dung giáo dục ở các bậc học. Nội dung đó đáp ứng những yêu cầu cơ bản về mục tiêu giáo dục được xác định rõ trong luật giáo dục (điều 193 và điều 101, theo Luật Giáo dục Hàn Quốc).

Ở tiểu học: Phát triển khả năng tự lập của học sinh thông qua việc bồi dưỡng và rèn luyện kỹ năng cơ bản có ích trong nghề nghiệp tương lai và các hoạt động trong đời sống hàng ngày.

Ở bậc sơ trung: Dạy các kiến thức và kỹ năng cơ bản chung cho mọi ngành nghề, trau dồi lòng tin trong lao động và đạo đức, hạnh kiểm tốt và phát triển năng lực, chọn tương lai theo năng khiếu của học sinh.

Ở bậc cao trung (lớp 10, 11, 12): Giáo dục phổ thông và kỹ thuật nghề nghiệp ở trình độ cao hơn. Hết bậc sơ trung học sinh sẽ đi hai hướng chính: phổ thông và chuyên nghiệp. Các trường kỹ thuật nghề nghiệp có mục tiêu riêng và được tuyển học sinh trước phổ thông. Loại hình trường dạy nghề trung học (Vocational High School) là loại hình phát triển khá mạnh ở Hàn Quốc trong 2 thập kỷ qua. Số lượng học sinh tốt nghiệp sơ trung tiếp tục theo học loại hình trường này tăng nhanh hàng năm. Nếu số lượng học sinh năm 1981 là 315.055, năm 1991 là 764.187 thì năm 2001 là 853.370. Nội dung đào tạo loại hình trường này bao gồm giáo dục phổ thông và giáo dục kỹ thuật với tỷ lệ khoảng 30% / 70% và được cấu tạo theo đơn vị học phần⁽¹⁾.

4.2.2. Đặc điểm phát triển giáo dục Pháp

Bộ Giáo dục quốc gia Pháp đã nêu lên 49 nguyên tắc mới cho giáo dục, trong đó có thể thấy những tư tưởng cơ bản như: Giảm nhẹ chương trình, rút ngắn giờ học đối với học sinh trung học, theo dõi cá nhân học sinh chặt chẽ, nâng cao địa vị và chất lượng giáo viên, gắn nhà trường với xí nghiệp... Đây là các vấn đề đang được thảo luận hết sức rộng rãi.

Trong 49 nguyên tắc này có thể thấy rõ một số điều quan trọng sau:

1. Mục tiêu đào tạo của trường trung học:

Trường trung học là nơi đào tạo các công dân của một xã hội tương lai. Trường học phải phát triển được trong họ “óc phê phán và ý thức cảnh giác đối với hình thức gian trá và cực quyền”.

2. Chương trình dạy học:

- Làm cho chương trình trong trường học trở thành khuôn mẫu. Kể cả đối với trường tư, chương trình cũng phải được xác định tương ứng với “chính sách chung về quy hoạch lãnh thổ và công bằng xã hội”. Sự điều tiết này là cần thiết để đáp tất hiện tượng chủ nghĩa riêng biệt đang lan rộng trong một số cơ sở trung học.

- Chương trình quốc gia chuẩn bị cho sự chuyên môn hóa, gắn chặt với nghề nghiệp ở giai đoạn cuối.

⁽¹⁾ Theo Khoa học giáo dục nước ngoài, PGS.TS. Trần Khánh Đức dịch

- Chương trình phải mang tới cho học sinh một “nền văn hóa chung”, bao gồm sự hiểu biết về xã hội (những yếu tố về pháp luật, các nguyên tắc chi phối cuộc sống...) và một tập hợp các kiến thức khoa học cơ bản và đồng bộ.

3. Giáo dục hướng nghiệp: Mỗi năm học một thông tin mới nhất về hướng nghiệp sau trung học được thông báo đến từng học sinh và cha mẹ học sinh, giới thiệu “*khung đào tạo của vùng và triển vọng của việc làm*” cũng như thông báo về các địa chỉ cần thiết.

4. Giáo dục cá nhân: Chú trọng tới việc dạy học theo cá nhân. Những sự kèm cặp cá nhân thường xuyên cho phép học sinh đang gặp khó khăn trong một môn học nhận được lời khuyên, nhận được sự giúp đỡ cần thiết và kịp thời từ phía giáo viên.

5. Tính liên môn: Giảm bớt tình trạng nhiều môn học bằng việc làm tăng cường các môn học kết hợp.

6. Liên kết trong giáo dục: Tăng cường sự liên hệ giữa nhà trường và các xí nghiệp. Trường trung học là nơi “tuyên truyền các sáng tạo công nghệ và cải cách nghề nghiệp”. Ngược lại, các xí nghiệp tìm được ở các nhà trường “các trung tâm nguồn trong việc đào tạo và sáng tạo công nghệ”.

7. Các trường trung học nghề: Trường trung học nghề phải thích nghi với khu vực, việc đào tạo phải phù hợp với sơ đồ đào tạo chuyên nghiệp đã được xác định trong kế hoạch giáo dục của khu vực.

8. Đánh giá:

- Vẫn giữ kỳ thi tú tài nhưng có thay đổi và giảm nhẹ đôi chút. Nó chỉ còn là “một kỳ kiểm tra bình thường cỡ quốc gia”.

- Sử dụng một “Sổ học bạ mở rộng” để đánh giá chung và toàn diện năng lực và phẩm chất của mỗi cá nhân học sinh.

- Một kỳ thi mới ở lớp 12. Ngoài việc kiểm tra môn tiếng Pháp học sinh phải viết một tài liệu nghiên cứu về một chủ đề tự chọn khoảng 20 trang và bảo vệ trước một hội đồng đánh giá.

9. Thời lượng học tập:

- Một trường trung học mở cửa hơn. Mọi học sinh đều có quyền có “một thời gian có mặt hàng tuần là 35 giờ” tại trường, việc này cho phép học sinh có thể tìm thấy sự giúp đỡ hay lấy tư liệu để làm bài.

- Ưu tiên cho việc đọc sách. Thời gian rỗi cần phải được dùng để “đọc các tác phẩm bổ sung hay tạp chí”, mà mỗi môn học đòi hỏi và được tính điểm khi chấm bài.

- Các giờ lên lớp giảm. Trong giảng dạy phổ thông, học sinh chỉ còn có 28 giờ nghe giảng, trong giảng dạy công nghệ hay chuyên ngành là 30 giờ. Ít nhất 20% số giờ lên lớp được dùng vào các công việc làm có hướng dẫn.

- Bài tập ở trường trung học. Việc giảm số giờ nghe giảng đã dành ra từ 5 đến 9 giờ cho phép những học sinh muốn làm bài tập có sự giúp đỡ của giáo viên.

Những hoạt động ngoài nhà trường thích hợp. Những hoạt động “văn hóa xã hội và thể thao” được tăng cường để lôi kéo học sinh vào cuộc sống tập thể.

10. Giáo viên

- Thời gian biểu của giáo viên đã được đảm bảo chuyển từ 18 xuống 15 giờ và đối với các thạc sĩ giảm từ 15 giờ xuống còn 14 giờ. Nhưng họ phải đảm bảo 4 giờ có mặt và hoạt động sư phạm trong nhà trường (đối với thạc sĩ là 3 giờ), tức là 132 giờ một năm.

- Chỉ có 15 giờ lên lớp (15 giờ giảng dạy tương ứng với những giờ có mặt trước học sinh làm bài tập hoặc thực hành, không tính đến những nhiệm vụ truyền thống như chuẩn bị bài, chấm bài-và các cuộc gặp gỡ phụ huynh học sinh).

- Tăng cường làm việc theo nhóm giáo viên để chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

- Làm mềm dẻo và linh hoạt việc trực tiếp của giáo viên.

- Đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên: Mỗi giáo viên có quyền hưởng ít nhất 35 giờ cho việc đào tạo tiếp tục hàng năm, thực hiện ngoài giờ trực và giờ lên lớp.

- Chú trọng việc đào tạo các nhà quản lý giáo dục⁽¹⁾.

4.3. Phương hướng phát triển giáo dục ở Việt Nam

Giáo dục - Đào tạo đóng vai trò chủ yếu trong việc giữ gìn, phát triển và truyền bá nền văn minh nhân loại. Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày nay, tiềm năng trí tuệ trở thành động lực chính của sự tăng tốc phát triển và giáo dục - đào tạo được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trên trường quốc tế và sự thành đạt của mỗi người trong cuộc sống của mình. Chính vì vậy, chính phủ và nhân dân các nước đánh giá cao vai trò của giáo dục. Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), tại Điều 35 quy định: Giáo dục là quốc sách hàng đầu.

⁽¹⁾ Nguyễn Hữu Châu. *Khoa học giáo dục nước ngoài về định hướng chiến lược giáo dục đầu thế kỷ 21 của một số nước trên thế giới*.

Để giáo dục thực sự giữ vai trò đó, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Luật Giáo dục được Quốc hội khóa X thông qua ngày 2-12-1998, tại Điều 86 quy định nội dung quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm trước hết là việc xây dựng và chỉ đạo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch chính sách phát triển giáo dục.

Vì vậy, cùng với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khác, chính phủ Việt Nam hoạch định chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được quy định tại chương II của Luật Giáo dục đến năm 2010 và bước đi đến năm 2005. Từ đó, hình thành các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục.

** Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục - đào tạo*

Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đứng đầu được đặt cơ sở trên sự phân tích các mối quan hệ giữa giáo dục với sự phát triển tổng thể nền kinh tế - xã hội, giữa giáo dục với những lĩnh vực trọng yếu như chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, cũng như các mối quan hệ bên trong giáo dục - đào tạo. Phát triển giáo dục - đào tạo nước ta trong 10 năm tới cần tuân theo các quan điểm chỉ đạo sau đây:

4.3.1. Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu

Trong thời đại ngày nay, không một dân tộc nào có thể đứng vững ở vị trí tiên tiến mà thiếu sự học tập tích cực. Sự phồn thịnh của một quốc gia trong thế kỷ 21 sẽ phụ thuộc và khả năng học tập của dân chúng. Vì vậy hiện nay không chỉ Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới đã đặt giáo dục vào vị trí quốc sách hàng đầu.

Con người được giáo dục và biết tự giáo dục mới có khả năng giải quyết một cách sáng tạo và có hiệu quả tất cả những vấn đề do sự phát triển xã hội đặt ra, được coi là nhân tố quan trọng nhất, “vừa là động lực, vừa là mục tiêu” của sự phát triển bền vững của xã hội. Giáo dục đang trở thành một bộ phận đặc biệt của cấu trúc hạ tầng xã hội, là tiền đề quan trọng cho sự phát triển của tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng và an ninh, là bộ phận hữu cơ quan trọng nhất trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu giáo dục được coi là mục tiêu quan trọng nhất của sự phát triển tổng thể.

Để thực hiện được quan điểm coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, nhà nước có trách nhiệm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo. Nhà nước coi đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư cho phát triển, ưu tiên đầu tư cho giáo dục - đào tạo, có chính sách phát huy hiệu quả đầu tư của Nhà nước, huy động sự đóng góp của toàn xã hội và phát huy tiềm lực sẵn có của ngành giáo dục - đào tạo. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển giáo dục - đào tạo của quốc gia, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò tích cực của toàn xã hội trong sự phát triển giáo dục - đào tạo.

Quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu đã được khẳng định. Cần quán triệt hơn nữa quan điểm này, thấm sâu vào nhận thức và biến thành hành động của toàn xã hội, nhất là của lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp.

4.3.2. Xây dựng nền giáo dục Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Mục tiêu chung của toàn Đảng, toàn dân là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, giàu mạnh và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa là mục tiêu chung của toàn xã hội và cũng là mục tiêu cơ bản, lâu dài của giáo dục - đào tạo. Đối với giáo dục, mục tiêu đó phải thể hiện trên cả hai phương diện nhân cách và xã hội.

Về mặt nhân cách, giáo dục phải đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành con người lao động, người công dân có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có lòng tự hào dân tộc, có khả năng sáng tạo và tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ, văn học, nghệ thuật và có khả năng lao động tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội.

Về mặt xã hội, mục tiêu vì độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện trong chính sách giáo dục vĩ mô. Việc tổ chức, quản lý, các chính sách giáo dục - đào tạo phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững vai trò nòng cốt của các trường công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đào tạo, tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, bảo đảm cho những đối tượng là con em những gia đình có công với nước, con em những gia đình nghèo hoặc những người có dị tật bẩm sinh đều có cơ hội và điều kiện học tập. Phát triển giáo dục vùng sâu, vùng xa, tạo cơ hội cho những dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp nhận giáo dục - đào tạo.

Đảng và Nhà nước là người đại diện tối cao quyền lợi dân tộc và là người lãnh đạo, điều hành giáo dục - đào tạo nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào

tạo cho toàn xã hội, làm cho toàn xã hội thống nhất ý chí và hành động trong mặt trận này.

Cần tiếp tục xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy làm cơ sở cho việc tổ chức, quản lý giáo dục bằng pháp luật, mở rộng dân chủ, tăng quyền tự quản cho các cơ sở giáo dục - đào tạo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ vững kỷ cương, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

4.3.3. Thực hiện giáo dục toàn diện dựa trên nền tảng các thành tựu khoa học - công nghệ, những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại

Phát triển con người toàn diện trên các mặt tình cảm và trí tuệ tinh thần và thể chất là lý tưởng của sự phát triển xã hội mà chúng ta đang từng bước tiến tới. Giáo dục đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành nhân cách phát triển toàn diện làm nền tảng cho việc đạt được các mục tiêu về nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và phát triển, bồi dưỡng nhân tài. Trong việc xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, vận dụng phương pháp giáo dục - đào tạo ở các cấp, bậc học khác nhau phải căn cứ vào các đặc điểm, điều kiện cụ thể mà thực hiện việc giáo dục toàn diện tức là giáo dục - đào tạo những con người có niềm tin vững chắc và quyết tâm cao trong việc đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu hiện nay, có ý thức tự cường, có tinh thần yêu nước và lòng yêu hòa bình, tình hữu nghị với các dân tộc khác, có bản chất nhân văn và tình thân ái trong quan hệ giữa người với người từ gia đình đến xã hội và cả có ý thức trách nhiệm công dân. Đó cũng là con người phát triển về trí tuệ, ham học tập, có tư duy khoa học và nhạy bén với tiến bộ công nghệ, có tác phong công nghiệp, làm việc có hiệu quả và tiết kiệm, con người có thể lực cường tráng, biết cách rèn luyện thân thể, giữ gìn sức khỏe, biết kết hợp lao động với nghỉ ngơi, giải trí để có thể lao động bền bỉ dẻo dai và có đời sống văn hóa phong phú.

Nội dung giáo dục và phương pháp, cách tổ chức giáo dục - đào tạo phải không ngừng được cập nhật bằng các thành tựu khoa học hiện đại, phù hợp với các quy luật sư phạm và thời gian dành cho việc thực hiện chương trình. Cần đổi mới mạnh mẽ cách tổ chức và phương pháp giáo dục - đào tạo.

Nền giáo dục ở nước ta sau Cách mạng tháng Tám luôn luôn hướng tới yêu cầu hiện đại và giữ gìn bản sắc dân tộc. Điều này càng trở nên đặc biệt quan trọng khi nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và

thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các trào lưu phát triển tiến bộ của nhân loại.

Để thực hiện được quan điểm này cần chú trọng giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc (tình cảm gia đình, lòng yêu nước, yêu lao động, đức tính hiếu học v.v...); khai thác và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại (các giá trị nhân văn, tinh thần dân chủ, tác phong công nghiệp v.v...); tìm các giải pháp phát triển giáo dục thích hợp với điều kiện và đặc điểm con người Việt Nam; phát huy sắc thái riêng về truyền thống, giá trị, niềm tin của các cơ sở. Cần làm cho người học mở mang hiểu biết về văn hóa các dân tộc khác, biết cách tuyên truyền những giá trị văn hóa Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Trong trào lưu hội nhập hiện nay cần biết chọn lọc để tiếp thu những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác và các giá trị chung của nhân loại. Muốn thế cần phải trang bị kiến thức ngoại ngữ đủ làm phương tiện giao lưu văn hóa và khai thác nguồn tri thức khổng lồ của nhân loại.

4.3.4. Xã hội hóa giáo dục, làm cho giáo dục và đào tạo thực sự là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, kết hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội

Giáo dục - đào tạo không chỉ là công việc của nhà trường mà là công việc chung của toàn xã hội. Điều này thể hiện trước hết ở chỗ toàn Đảng, toàn dân có trách nhiệm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Từng người dân, từng gia đình, từng tập thể, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức quần chúng cùng xây dựng cộng đồng trách nhiệm đối với sự phát triển giáo dục - đào tạo và phối hợp tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Các phương tiện truyền thông đại chúng phối hợp với ngành giáo dục - đào tạo trong việc xây dựng và chuyển tải các chương trình giáo dục và phổ biến kiến thức đến mọi người. Cần phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong sự nghiệp trồng người thông qua nhiều hình thức như hoạt động của hội đồng giáo dục các cấp, hội khuyến học, hội cha mẹ học sinh, các quỹ bảo trợ học đường và các hình thức tổ chức khác.

Mọi người tham gia giáo dục - đào tạo bằng cách tự mình học tập thường xuyên suốt đời. Nêu gương học tập phải trở thành truyền thống của mỗi gia đình, mỗi tổ chức, mỗi địa phương và toàn dân tộc. Tạo dựng một xã hội học tập, ở đó mọi người học tập và được tạo điều kiện để học tập, phải là mục tiêu cao cả của sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Để thực sự giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân thì một mặt nhà nước tăng cường đầu tư từ ngân sách cho giáo dục - đào tạo. Mặt khác người học, người sử dụng lao động, các tổ chức kinh tế - xã hội hăng hái đóng góp nguồn lực cho giáo dục - đào tạo, coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ đối với xã hội; dần dần hình thành thói quen chỉ trả một phần kinh phí của giáo dục - đào tạo. Ở cấp bậc học càng cao phần chi trả đó càng lớn.

Xã hội hóa giáo dục - đào tạo không phải giải đáp tài chính tạm thời mà là phương thức phát triển giáo dục - đào tạo lâu dài và toàn diện.

4.3.5. Xây dựng một nền giáo dục phục vụ đặc lực yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; lấy mục tiêu đào tạo nhân lực làm trọng tâm

Trong xã hội hiện đại mối quan hệ hữu cơ giữa giáo dục và kinh tế tạo ra sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển. Do đó, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, phát triển giáo dục - đào tạo phải là một bộ phận cấu thành quan trọng, chuẩn bị trước về nhân lực để đón đầu sự phát triển. Kế hoạch phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao của nước ta trong vài chục năm tới, tạo ra nhu cầu về nhân lực rất cao. Giáo dục - đào tạo phải đặt trọng tâm vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực đó. Nhu cầu này thể hiện trên các mặt số lượng, chất lượng và cơ cấu nhân lực bao gồm lao động kỹ thuật, nhân lực khoa học - công nghệ, các doanh nhân và những người quản lý. Nhân lực được đào tạo với số lượng đủ, chất lượng phù hợp, cơ cấu hợp lý là nhân tố quan trọng để thực hiện dịch chuyển cơ cấu từ nền kinh tế có tỷ trọng nông nghiệp khá cao sang nền kinh tế có tỷ lệ đóng góp chủ yếu từ công nghiệp và dịch vụ. Cần quan tâm bồi dưỡng một lực lượng lao động kỹ thuật lành nghề, những chuyên gia khoa học công nghệ có tài năng và những nhà quản lý giỏi.

Quan điểm này thể hiện chức năng phát triển xã hội và chức năng phục vụ xã hội của giáo dục.

Chức năng phát triển xã hội thừa nhận giáo dục là tiền đề quan trọng của sự phát triển tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội khác như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, an ninh, quốc phòng. Để thực hiện tốt chức năng này, trong các chương trình phát triển kinh tế, quy hoạch các ngành sản xuất dịch vụ, các khu công nghiệp, các dự án xóa đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm, các chương trình khoa học - công nghệ và các chương trình kinh tế - kỹ thuật trọng

điểm cần quy hoạch phát triển nguồn nhân lực như một bộ phận cấu thành của chương trình tổng thể với đầu tư tương xứng. Giáo dục - đào tạo cùng với các cơ sở hạ tầng khác như điện lực, giao thông v.v... cần phải đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, các địa phương, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến miền núi và những vùng khó khăn. Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, dịch vụ phải dành một phần kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực của mình và tham gia phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn.

Chức năng phục vụ xã hội thể hiện tính hiệu quả của giáo dục. Các nguyên tắc “chi phí - lợi ích”, “chi phí - kết quả” được sử dụng trong huy động và sử dụng nguồn lực. Sự gắn bó chặt chẽ giữa giáo dục - đào tạo với xã hội được thể hiện trong mối quan hệ hài hòa giữa đào tạo - sử dụng - việc làm. Nhà nước có chính sách đúng đắn hướng tới mối quan hệ này để đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao của giáo dục - đào tạo. Nhà nước có chính sách để những người do nhà trường đào tạo ra được sử dụng phù hợp với trình độ và được trả công xứng đáng với việc làm để tạo động lực cho sự phát triển giáo dục - đào tạo.

Để đào tạo được những con người đáp ứng được yêu cầu công việc trong thực tiễn cần phải đổi mới nội dung, chương trình và đặc biệt là phương pháp để giáo dục - đào tạo ra con người làm việc sáng tạo, thích nghi nhanh với sự thay đổi thường xuyên của môi trường.

4.3.6. Xây dựng một nền giáo dục vừa đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người vừa có một số cơ sở giáo dục - đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn khu vực và quốc tế

Một trong những tư tưởng chủ đạo của giáo dục - đào tạo khi bước vào thế kỷ XXI là “học thường xuyên, học suốt đời”. Triết lý này phù hợp quan điểm của Đảng ta “thực hiện một nền giáo dục thường xuyên cho mọi người, xác định học tập suốt đời là quyền lợi, trách nhiệm của mỗi công dân”, là sự phát triển của quan điểm “ai cũng được học hành” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Giáo dục nhất thiết phải quan tâm đầy đủ đến lợi ích xã hội và cả lợi ích của mỗi cá nhân. Chức năng phúc lợi xã hội của giáo dục - đào tạo đảm bảo quyền lợi của mỗi người dân được giáo dục ở mức độ tối thiểu. Giáo dục phải góp phần cơ bản vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống thể hiện qua môi trường xã hội lành mạnh, văn minh. Nhà nước có chính sách đáp ứng những nhu cầu cơ bản về giáo dục - đào tạo của các cá nhân và các tầng lớp dân cư trên mọi miền lãnh thổ của đất nước, trong đó hiện nay trên 60%

đang sống ở nông thôn. Vì vậy giáo dục - đào tạo phải quan tâm đúng mức đến cư dân ở nông thôn để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở đó.

Để có được một nền giáo dục cho mọi người phải không ngừng mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo, cung cấp cho người học một vốn học vấn nền tảng đủ rộng và vững chắc cùng với một số kỹ năng nghề nghiệp nhất định, đồng thời nâng cao khả năng tự học và tự thích ứng với những thay đổi của hoàn cảnh. Việc học tập phải tiến hành suốt đời, ở mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi cách, ở mọi người và trong mọi việc, tiến tới một xã hội học tập. Hệ thống giáo dục quốc dân phải có nhiều hình thức giáo dục - đào tạo đa dạng để tạo cho mỗi thành viên xã hội lựa chọn cách học phù hợp với bản thân.

Mặt khác, cần tạo cơ chế và tập trung nguồn lực để xây dựng một số cơ sở giáo dục - đào tạo chất lượng cao làm khuôn mẫu, làm đầu tàu, tạo ra sự khởi sắc cho bộ mặt nền giáo dục - đào tạo chung của cả nước, nâng dần chất lượng của các cơ sở giáo dục - đào tạo theo chuẩn mực khu vực và quốc tế. Vì vậy trong một giai đoạn nhất định cần chấp nhận sự khác biệt chất lượng giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo. Đây là cách thức đi tới chuẩn mực chất lượng cao trong điều kiện hạn hẹp về nguồn lực. Chính quá trình này sẽ tạo động lực cho việc nâng cao chuẩn mực của toàn hệ thống giáo dục quốc dân.

4.3.7. Từng bước phát triển giáo dục - đào tạo dựa trên các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin

Ngày nay, trong thời đại bùng nổ thông tin ngay cả với những phương pháp tốt nhất, người học cũng vẫn gặp khó khăn trước sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ và sự lỗi thời của tri thức. Mặt khác sự tiến bộ của kỹ thuật cũng tạo ra các phương tiện để tăng hiệu quả của việc tổ chức và thực hiện quá trình giáo dục - đào tạo trong đó công nghệ thông tin tạo điều kiện để truyền bá nhanh chóng và rộng rãi tri thức, mở rộng cơ hội giáo dục cho mọi người. Đặc biệt công nghệ thông tin và đa phương tiện sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong quản lý hệ thống giáo dục, trong chuyển tải nội dung chương trình đến người học, thúc đẩy một cuộc cách mạng về phương pháp dạy và học. Hình thức đào tạo từ xa với việc áp dụng công nghệ thông tin và các công nghệ khác giúp cho việc thực hiện các chương trình giáo dục - đào tạo một cách thường xuyên và hiệu quả nhất. Cần phải tận dụng cơ hội để cải cách giáo dục - đào tạo.

Đối với nước ta, sự phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục - đào tạo hãy còn chậm chạp do thiếu các nguồn kinh phí, nhân lực và sự bất cập về trình độ công nghệ. Chúng ta cần nhanh chóng tạo mọi điều kiện để đưa công nghệ thông tin vào giáo dục - đào tạo. Việc chuẩn bị cho một nền giáo dục dựa vào công nghệ thông tin phải được tiến hành ngay từ những năm đầu tiên của thế kỷ 21.

4.3.8. Giáo dục - đào tạo phải góp phần chuẩn bị con người cho nước ta hội nhập thành công

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên mới với sự hội nhập diễn ra trên nhiều mặt. Trong quá trình đó các quốc gia kém phát triển phải đối mặt với những thử thách to lớn đồng thời cũng có nhiều cơ hội phát triển, rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển. Trước xu thế toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ, nước ta cần có đối sánh để tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu những nguy cơ do hội nhập gây ra.

Để nước ta hội nhập thành công, giáo dục - đào tạo phải dần dần nâng cao chất lượng để người học có định hướng giá trị đúng đắn trong trào lưu này và đạt tới các chuẩn mực quốc tế về kiến thức và kỹ năng, có trình độ ngoại ngữ đủ để giao tiếp trong cuộc sống và giao dịch trong hoạt động nghề nghiệp. Trong giáo dục - đào tạo ứng dụng những tiến bộ của khoa học giáo dục, học tập những kinh nghiệm tốt từ thực tiễn giáo dục của các nước trên thế giới để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn nước ta.

4.3.9. Mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2010

Trong vòng 10 năm tới, nước ta sẽ hoàn thành giai đoạn đầu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn khoảng cách về kinh tế với các nước công nghiệp hóa mới trong khu vực chủ yếu bằng những nguồn lực nội sinh với một phương thức phát triển bền vững về môi trường tự nhiên và xã hội. Chúng ta chọn con đường phát triển đảm bảo cho nhân dân ta, tuy thu nhập còn thấp hơn nhiều so với nhiều nước trên thế giới, nhưng có cuộc sống hài hòa về vật chất và tinh thần, trong đó việc tiếp nhận giáo dục đóng một vai trò cơ bản.

Trong bối cảnh đó, nền giáo dục nước ta một mặt phải bảo đảm nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mặt khác phải đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân để phát triển hoàn thiện nhân cách và thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống.

Để thực hiện tốt sức mạnh đó, mục tiêu chung của hệ thống giáo dục đào tạo nước ta từ nay đến năm 2010 là:

Phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng một cách phù hợp, phát huy hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực trước mắt và lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân. Phát huy cao độ nội lực, sử dụng có hiệu quả sự hợp tác quốc tế để tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống giáo dục quốc dân, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao trình độ đội ngũ giảng dạy và quản lý, hình thành một số cơ sở giáo dục đào tạo có uy tín trong khu vực và trên thế giới, từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đào tạo.

Xây dựng những con người và thế hệ thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc chủ nghĩa xã hội, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, có tư duy sáng tạo, tính độc lập và tích cực cá nhân, có năng lực thực hành giỏi, yêu nghề, làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, ý thức cộng đồng và tinh thần hợp tác, có ý thức bảo vệ môi trường, có nếp sống lành mạnh và sức khỏe tốt.

Trong thời gian từ nay đến năm 2010 và một thời gian tiếp theo mục tiêu ưu tiên của giáo dục đào tạo nước ta là:

- Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó cần đặc biệt chú trọng nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề. Đào tạo nhân lực cho nông thôn để thực hiện dịch chuyển cơ cấu kinh tế và lao động.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo

- Thực hiện và củng cố phổ cập trung học cơ sở, xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng cao, phát triển đào tạo nghề ở một số địa phương và đối tượng khó khăn.

Từ những mục tiêu chung nêu trên của cả hệ thống giáo dục đào tạo các mục tiêu cụ thể cho giáo dục trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có quy mô ngày càng mở rộng để đào tạo đội ngũ nhân lực kỹ thuật nghiệp vụ có cơ cấu lao động phù hợp với nhu cầu việc làm, đồng thời làm thay đổi cơ cấu lao động trong dân cư theo hướng chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Phát triển mạng lưới giáo dục chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước bao gồm các trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề và các loại hình khác góp phần luồng sau trung học cơ sở, thu hút khoảng 10% học sinh trong độ tuổi vào năm 2005 và 15% vào năm 2010. Xây dựng một số trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề trọng điểm chất lượng cao đạt trình độ khu vực và quốc tế (10 trường năm 2005; 30 trường năm 2010). Phát triển mạnh đào tạo nghề ngắn hạn, đặc biệt ở các vùng nông thôn, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng, lực lượng lao động để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu đến năm 2005 mỗi huyện/quận có ít nhất một trung tâm đào tạo nghề ngắn hạn, tư vấn đào tạo và việc làm. Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo ở các trình độ:

Trung học kỹ thuật nghiệp vụ 6,4% năm 2005 8% năm 2010

Công nhân kỹ thuật 22,4% năm 2005..... 30% năm 2010

Ngoài ra còn hình thành mối liên hệ giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, tạo đầu ra cho các trường dạy nghề. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của chính họ.

Câu hỏi ôn tập

1. Bằng lý luận và thực tiễn, anh chị hãy phân tích mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế xã hội, khoa học công nghệ và sự phát triển giáo dục đào tạo trên thế giới. Đưa các ví dụ minh họa.
2. Bằng thực tế những năm công tác của bản thân, anh chị có quan điểm tiếp cận như thế nào đối với chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng đào tạo ngành nghề ở giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Cho ví dụ chứng minh.
3. Chúng ta cần có quan điểm tiếp cận như thế nào đối với người học? Liên hệ, phân tích và phê phán những quan điểm sai hoặc phiến diện. Với tư cách là giáo viên anh chị có thể vận dụng những quan điểm trên vào quá trình dạy học môn học của mình phụ trách như thế nào?

Câu hỏi xêmina

1. Theo anh (chị), cơ cấu khung theo Luật Giáo dục của Quốc hội thông qua năm 1998 có những ưu điểm và hạn chế gì? Anh (chị) chỉ ra được các mặt tích cực và hạn chế đó.

2. Anh (chị) hãy nêu các loại hình trường lớp đang đào tạo hiện nay. Qua thực tế một số năm anh (chị) nêu ra mặt tích cực và hạn chế của các loại hình đào tạo này. Theo anh (chị) giải pháp nào sẽ khắc phục được các hạn chế của các loại hình trường ngoài công lập hiện nay?

3. Là giáo viên trong ngành giáo dục nghề nghiệp, anh (chị) hãy đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh vào học ở một số ngành nghề mà xã hội có nhu cầu nhưng hiện nay đang còn thiếu?

Hướng dẫn:

Câu 1:

**Ưu điểm:*

- Trường học dành cho mọi người, tạo điều kiện tốt cho mọi người được đi học, không phân biệt thành phần, giai cấp, tôn giáo, địa vị xã hội, tuổi tác...

- Nhà nước khuyến khích mọi người đến trường học, tạo điều kiện để phổ cập văn hóa, học nghề cho bất cứ ai. Tạo điều kiện để mọi người có nghề và sống bằng nghề của mình.

- Mở nhiều loại hình trường, nên ai cũng có cơ hội được đi học để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực phục vụ xã hội.

**Hạn chế:*

Một vài loại hình trường tính khả thi không cao, hay không thực hiện được. Ví dụ: Đào tạo nghề sau tiểu học là không có tính khả thi.

Câu 2:

Nhiều loại hình trường: Công lập, bán công, dân lập, tư thục.

* Ưu điểm: Tạo cơ hội cho ai có nhu cầu đều được học.

* Hạn chế: Khó kiểm soát chất lượng đào tạo, chương trình nội dung đào tạo, nếu buông lỏng dễ bị thương mại hóa giáo dục.

Câu 3:

- Cần phổ biến, tuyên truyền các ngành nghề mà xã hội có nhu cầu sử dụng cao ngay từ các trường phổ thông, trước khi các em có định hướng chọn nghề.

- Nhà trường cần phối hợp với các doanh nghiệp sử dụng lao động để tuyên truyền nghề, nâng cao nhận thức cho các em học sinh trước khi chọn nghề. Không mặc cảm với một số nghề ít học sinh đăng ký theo học.

Chương 2

MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Phân tích được một số khái niệm cơ bản về mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo trong các nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Phương pháp xác định mục tiêu đào tạo. Các phương pháp xây dựng và quản lý kế hoạch đào tạo và chương trình môn học. Giáo viên nắm được một số phương pháp đào tạo phổ biến đang được áp dụng trong ngành giáo dục nghề nghiệp.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Khái niệm về mục tiêu đào tạo

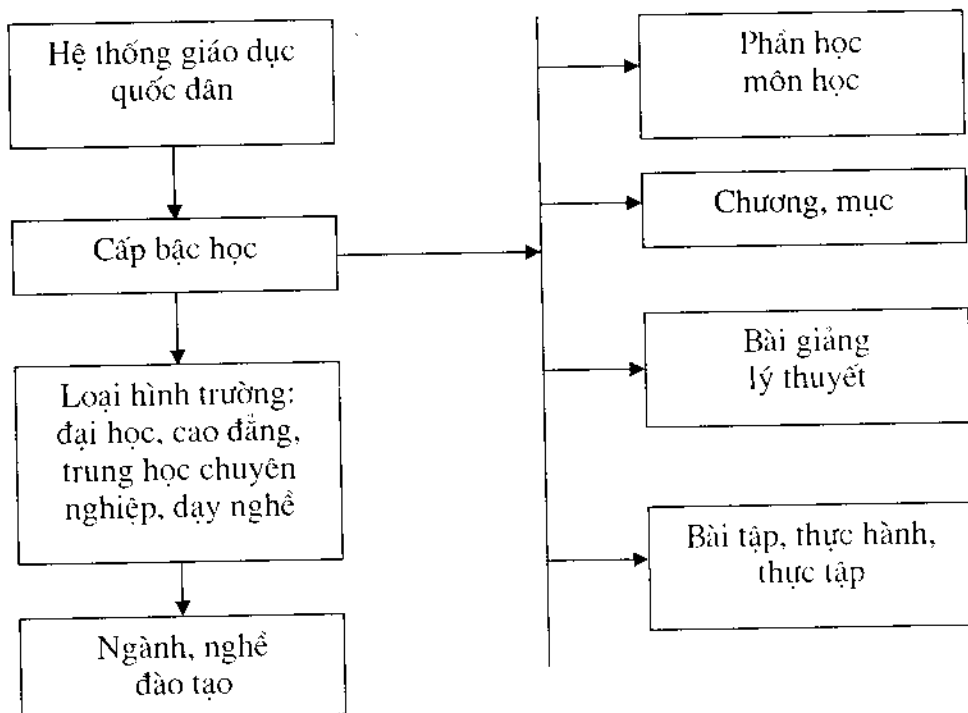
Bất cứ hoạt động có ý thức nào của con người đều nhằm đạt được một mục tiêu nhất định. Theo Từ điển tiếng Việt thông dụng NXB Giáo dục - 1998, thuật ngữ *"mục tiêu"* được giải nghĩa là: *"Đích đặt ra cần phải đạt tới đối với công tác nhiệm vụ"*.

Đối với giáo dục cũng vậy, ta thấy rằng, với nghĩa khái quát nhất là một loại hoạt động của con người, giáo dục là hoạt động có mục đích rõ rệt, do đó:

Mục tiêu đào tạo là phạm trù cơ bản của giáo dục học, phản ánh trước kết quả mong muốn đạt được trong tương lai của quá trình giáo dục, phản ánh trước sản phẩm cuối cùng và tổng hợp các hoạt động sư phạm của nhà trường phải đạt được sau quá trình đào tạo, đó là kiểu nhân cách cần đạt được hình thành ở người học sinh.

Đối tượng của các hoạt động đào tạo là con người và do đó mục tiêu đào tạo chung là hướng tới hình thành và phát triển nhân cách con người, nhân cách nghề nghiệp thích ứng với nhu cầu phát triển trong từng giai đoạn lịch sử của

xã hội và từng cá nhân. Các cấp độ mục tiêu theo sơ đồ cấu trúc thứ bậc tiếp cận sau:



Trên cơ sở mục tiêu đào tạo chung hoặc mục tiêu đào tạo tổng quát sẽ hình thành các mục tiêu đào tạo cụ thể của từng bậc học, loại hình trường và từng ngành nghề đào tạo, từng bài giảng lý thuyết hoặc thực hành.

Các mục tiêu đào tạo quốc gia thường xác định trong các văn bản pháp chế của Nhà nước (Luật Giáo dục, nghị định của Chính phủ hoặc người đứng đầu chính phủ; văn kiện của Đảng).

Mục tiêu đào tạo quốc gia phản ánh những yêu cầu chung nhất của toàn bộ các hoạt động đào tạo đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách người học, đồng thời cũng định hướng cho toàn bộ các hoạt động tổ chức và quản lý đào tạo trên quy mô toàn quốc và ở mọi bậc học, cấp học, mọi loại hình đào tạo nói chung.

2. Những yêu cầu cơ bản đối với việc xác định mục tiêu đào tạo

2.1. Tính thích hợp

Xây dựng mục tiêu đào tạo phải dựa trên nhu cầu của thị trường lao động xã hội. Khi nền kinh tế xã hội phát triển, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo

ngày càng tăng nhanh, nhất là khi nước ta đang ở giai đoạn phát triển kinh tế cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước cho phép sáu thành phần kinh tế cùng phát triển, do vậy nhu cầu lao động qua đào tạo là rất lớn. Nhà trường đào tạo nhân lực phải đáp ứng được chất lượng đào tạo (là năng lực thật sự) phù hợp với từng ngành nghề mà thị trường lao động có nhu cầu.

Đây là yếu tố cơ bản thể hiện tính thích hợp, nó đáp ứng đúng các nhu cầu về đòi hỏi của thực tiễn sản xuất đối với mẫu người được đào tạo qua nhà trường.

2.2. Tính cụ thể

Mục tiêu đào tạo cần phải xây dựng hết sức cụ thể, từ đơn vị kiến thức nhỏ để đạt được mục tiêu tổng thể. Mục tiêu tổng thể của quá trình đào tạo phải được chuẩn hóa từ mục tiêu bậc dưới. Có nghĩa là mục tiêu đạt được từ:

Bài học → đến từng học phần → quá trình hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ, nghề nghiệp → mục tiêu đạt được sau khóa học.

Đây là mục tiêu đạt được sau quá trình đào tạo, được thị trường lao động xã hội chấp nhận để hành nghề, mục tiêu này được thống nhất từ lãnh đạo nhà trường, giáo viên giảng dạy, nhà sử dụng lao động.

2.3. Tính logic

Mục tiêu đào tạo không chứa đựng những mâu thuẫn nội tại. Hình thành hệ mục tiêu logic từ mục tiêu chung đến các mục tiêu cụ thể, mục tiêu thành phần

2.4. Tính khả thi

Xây dựng mục tiêu đào tạo phải tính đến khả năng cơ sở vật chất của nhà trường, hoặc liên doanh, liên kết với các trường, các công ty, các doanh nghiệp có thể đảm nhiệm được điều kiện học tập thực tập tay nghề của học sinh, để đảm bảo môi trường có tính khả thi.

Dựa vào số lượng học sinh, năng lực trình độ hiện có của giáo viên nhà trường hay ký kết với giáo viên ngoài nhà trường tổ chức hoạt động dạy - học nhằm đạt được mục tiêu. Phải tính toán hết những thuận lợi và khó khăn, chủ quan hay khách quan trong quá trình đào tạo.

2.5. Quan sát được

Trong quá trình thực hiện mục tiêu đào tạo, các giai đoạn thực hiện chúng ta có thể quan sát được bằng các hình thức kiểm tra, đánh giá như dự giờ thăm

lớp, phỏng vấn giáo viên và học sinh, quan sát học sinh hình thành kỹ năng, thực tập, xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm để giáo viên và học sinh trả lời, phỏng vấn các chủ doanh nghiệp sử dụng lao động hay học sinh đến thực tập. Từ đó nhà trường có những nhận xét cho phù hợp, có như vậy chúng ta mới kịp thời rút kinh nghiệm chấn chỉnh những lỗi nếu có.

2.6. Đo lường được

Khi xác định mục tiêu đào tạo cần phải xác định các chuẩn mực, các tiêu chí có thể chấp nhận về kiến thức và năng lực thực hiện. Nếu không có sự đo lường người giáo viên sẽ chủ quan, cho rằng mục tiêu đào tạo vẫn đạt được mà bỏ qua trách nhiệm trong quá trình dạy học của mình, và như vậy sẽ cho ra trường những sản phẩm không đạt mục tiêu ban đầu.

3. Mục tiêu đào tạo cán bộ trung học chuyên nghiệp

Điều 2 Luật Giáo dục năm 1998 xác định rõ mục tiêu giáo dục chung là: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu và bảo vệ Tổ quốc”.

Trên cơ sở đó, mục tiêu đào tạo của hệ thống giáo dục nghề nghiệp được xác định cụ thể là: “Đào tạo người lao động có ý thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm lại việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh”.

Trường trung học chuyên nghiệp tiếp nhận học sinh đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở hoặc tốt nghiệp phổ thông trung học để đào tạo từ 2 đến 3 năm thành cán bộ kỹ thuật trung cấp, những cán bộ kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ có trình độ trung cấp làm nòng cốt cho nền sản xuất hiện đại, đáp ứng được công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày nay, những thành tựu mới của khoa học và công nghệ đang thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức làm thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động chuyển dịch một nền sản xuất chủ yếu dựa vào trí tuệ con người, trong đó lực lượng lao động trí óc chiếm tỷ lệ càng cao. Một xã hội thông tin đang hình thành và phát triển nhanh chóng nhờ sự phát triển rầm rộ của công nghệ thông tin và các lĩnh vực quan trọng.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành xu thế thời đại, là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh của các nước để bảo vệ lợi ích của mình vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng. Đồng thời, sự giao lưu và hội nhập về văn hóa giữa các quốc gia có nhiều thuận lợi nhờ có các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông...

Các đại hội vừa qua của Đảng ta đã khẳng định mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2020 là về cơ bản Việt Nam trở thành một nước công nghiệp. Đại hội IX nhấn mạnh việc phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, bền vững. Nguồn lực con người hay nguồn nhân lực với ý nghĩa như một yếu tố cơ bản của nội lực nước nhà đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đó. Đồng thời, thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với việc phát triển nguồn nhân lực.

Nguồn nhân lực theo quan niệm chung mới chỉ bao hàm tiềm năng phát triển con người. Nó chỉ trở thành động lực của sự phát triển đất nước khi nguồn nhân lực ấy được phát huy bằng cách phát triển nó thông qua đào tạo sử dụng, bồi dưỡng, tạo hành lang pháp lí, chế độ chính sách phù hợp cho nó.

Phát triển nguồn nhân lực với giáo dục và đào tạo là nhân tố phát huy năng lực quan trọng nhất, về thực chất là làm tăng giá trị toàn diện của con người về các mặt trí, đức, thể, mỹ, tâm hồn và những phẩm chất cần thiết khác của con người hiện đại như trí thông minh, sáng tạo, năng động, nhanh nhạy, khả năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập, khả năng hợp tác...

Nguồn nhân lực đó chỉ có thể phát triển đầy đủ, có hệ thống và bền vững thông qua giáo dục - đào tạo, trong đó giáo dục trung học chuyên nghiệp là một bộ phận rất quan trọng.

4. Mục tiêu đào tạo công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ sơ cấp

Trường nghề có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ, đồng bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị tốt, có tay nghề giỏi, có sức khỏe. Rèn luyện tay nghề là yêu cầu chính trong việc đào tạo công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ.

Nghị quyết 73 của HDBT ngày 12/7/1983 đã cho phép mở các lớp đào tạo nghề trong các cơ sở sản xuất, và mở các trung tâm dạy nghề ở các quận, huyện, thị xã để đào tạo nghề ngắn hạn cho nhân dân lao động ở các vùng, miền.

5. Mục tiêu phổ cập nghề

Hiện nay nhà nước đang có chủ trương chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, thu hẹp tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng dần số lao động khối dịch vụ và khối công nghiệp xây dựng. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở nước ta hiện nay là thấp so với các nước trong khu vực, chúng ta đang phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 25% vào cuối năm 2005.

Muốn thực hiện được điều này nhà nước cho phép mở nhiều loại hình đào tạo: Như đào tạo dài hạn, đào tạo ngắn hạn, cho phép các tổ chức và cá nhân có điều kiện dạy nghề cho người lao động được hoạt động.

Khuyến khích đào tạo những nghề mà xã hội có nhu cầu cao, đang thu hút lao động qua đào tạo nhiều, hoặc các nghề nhằm thu hút lao động nông nhân ở nông thôn hiện nay như nghề trồng trọt, chăn nuôi, trồng nấm, nghề đan lát, nghề chạm khắc .

6. Phương pháp xây dựng mục tiêu đào tạo

Khi xây dựng mục tiêu đào tạo, chúng ta cần căn cứ vào cấp độ. Ví dụ xây dựng mục tiêu bậc học, mục tiêu cấp học, mục tiêu đào tạo một ngành, mục tiêu đào tạo của một nghề. Đối với mục tiêu đào tạo một ngành, một nghề phải được phản ánh 2 mặt sau đây:

- Mô hình hoạt động: Mô hình phản ánh những yêu cầu xã hội về loại lao động kỹ thuật sẽ được sử dụng trong thực tiễn sản xuất (vị trí công việc, chức năng nhiệm vụ thực hiện, quan hệ đồng nghiệp, dạng hoạt động...)
- Mô hình nhân cách: Nó phản ánh những yêu cầu về nhân cách được hình thành qua đào tạo (kiến thức, kỹ năng, đạo đức, thể lực)

Phương pháp sử dụng mục tiêu đào tạo: Người ta thường dùng phương pháp “Phân tích nghề nghiệp của một ngành sản xuất hoặc một lĩnh vực hoạt động xã hội”. Muốn xác định mục tiêu đào tạo chính xác và có thể thực hiện thành công, ta cần phải phân tích đầy đủ các mặt sau đây:

- Nhu cầu của một ngành, các lĩnh vực của cuộc sống xã hội về nhân lực, thường dùng phương pháp điều tra cơ bản theo diện rộng trong cả nước và chiều sâu của từng địa phương.
- Nội dung công việc của một cán bộ kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, công nhân, viên chức trong một ngành nhất định.
- Những kiến thức cơ bản cần có trong hệ thống các kiến thức cần cho một ngành, một nghề.

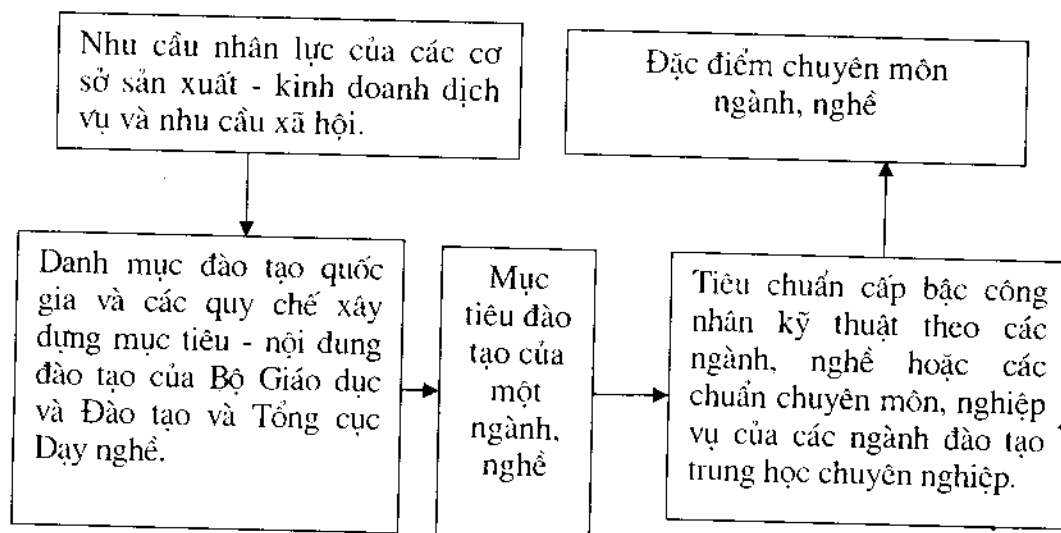
- Những kỹ năng cần có để thực hiện thành công một loại công việc.
- Đánh giá hoạt động thực tiễn của những học sinh đã tốt nghiệp đang làm việc trong các thành phần kinh tế: mặt ưu, nhược, điểm mạnh, điểm yếu về kiến thức và tay nghề.

Sơ sánh mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo nghề ở các nước khác nhau để tìm ra chỗ mạnh, chỗ yếu của nước ta.

Dự đoán sự phát triển của các lĩnh vực khoa học và nghiệp vụ trong tương lai gần. Từ những phân tích cho ta tư liệu để tổng hợp nên mục tiêu đào tạo của từng ngành, từng chuyên ngành, mục tiêu phải là điều kiện dễ hiểu và nhất định phải thực hiện được có chất lượng.

7. Những cơ sở xây dựng mục tiêu đào tạo

Khi xây dựng mục tiêu đào tạo của một ngành, một nghề cụ thể, chúng ta dựa theo các căn cứ sau đây.



Định hướng mục tiêu đào tạo quốc gia	Các điều kiện đảm bảo
- Bậc học - Loại trường - Ngành đào tạo	- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo - Đội ngũ giáo viên - Tài liệu học tập - Quản lý giáo dục - đào tạo

8. Phân tích đặc điểm chuyên môn nghề

Một trong những cơ sở để xây dựng mục tiêu là các tài liệu phân tích đặc điểm chuyên môn ngành, nghề, phản ánh tính chất, đặc điểm nội dung lao động, đặc điểm tâm sinh lý nghề nghiệp và các yêu cầu về đào tạo thích ứng với các yêu cầu trình độ nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực lao động ngoài xã hội. Tài liệu phân tích đặc điểm chuyên môn một ngành, nghề có cấu trúc cơ bản như sau:

TÀI LIỆU PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM CHUYÊN MÔN NGHỀ:

Tên ngành nghề:

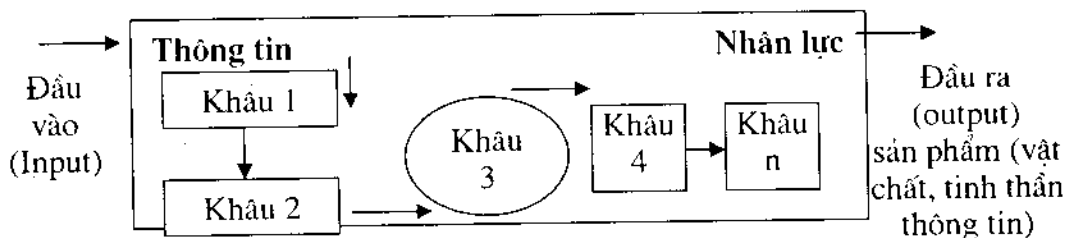
* Phạm vi hoạt động và ý nghĩa, vai trò của ngành, vai trò của nghề trong nền kinh tế quốc dân và từng vùng miền

* Phân tích nội dung lao động:

Tùy theo từng đặc trưng lao động cụ thể của từng ngành, nghề trong khu vực sản xuất vật chất hoặc kinh tế dịch vụ mà chúng ta cần phân tích nội dung lao động của các ngành, nghề theo các mặt sau:

- Các thông tin đầu vào, nguyên liệu, nhiên liệu
- Tư liệu lao động, máy móc, phương tiện
- Quy trình công nghệ sản xuất
- Các sản phẩm lao động
- Môi trường lao động

Quá trình sản xuất có thể mô tả bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ: Thiết bị và quy trình công nghệ

9. Hệ thống định hướng giá trị và các kiến thức, kỹ năng văn hóa khoa học, công nghệ và nghề nghiệp

Tùy theo loại hình đào tạo trung học chuyên nghiệp hay dạy nghề và hình thức đào tạo (dài hạn, ngắn hạn) mà chúng ta có thể xác định hệ thống kiến thức, kỹ năng và các định hướng giá trị theo chương trình khung bao gồm các môn khoa học cơ sở, các môn học chuyên ngành, quỹ thời gian thực tập tay nghề cho phù hợp với trình độ tay nghề sau khi tốt nghiệp ra trường.

10. Đặc trưng tâm lý - sinh lý và các chống chỉ định bệnh nghề nghiệp

Tùy theo tính chất, đặc trưng của từng loại ngành nghề đào tạo mà chúng ta đòi hỏi người được đào tạo các phẩm chất về tâm lý, sinh lý, sức khỏe phù hợp. Các đặc trưng này thường xác định theo cấu trúc sau:

- Tiêu chuẩn về sức khỏe - tâm lý.
- Đặc trưng sinh lý (các giác quan - hệ vận động)
- Đặc trưng tâm lý (khí chất, chú ý, tính cách)
- Các yêu cầu chống chỉ định về bệnh nghề nghiệp.

Quá trình phân tích và xây dựng đặc điểm chuyên môn ngành, nghề là một quá trình phức tạp đòi hỏi phải tiến hành điều tra, khảo sát thực tế rất cẩn thận, tốn kém. Các cơ sở sản xuất, dịch vụ xã hội được khảo sát cần phản ánh các đặc trưng chung của nghề và phạm vi hoạt động, trình độ kỹ thuật, công nghệ, quy mô sản xuất dịch vụ. Đồng thời, cần có sự tham gia tích cực của các nhà sư phạm, các cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề ở các cơ sở và các cán bộ chuyên môn về tâm lý, y tế...

11. Ý nghĩa của việc nghiên cứu mục tiêu đào tạo

Khi nghiên cứu mục tiêu đào tạo ở các cấp độ khác nhau: Cấp quốc gia, bậc học, nhà trường, ngành nghề đào tạo là một trong những vấn đề chủ yếu trong nghiên cứu khoa học của các nước trên thế giới và ở Việt Nam. Hiện nay, khi hệ thống mục tiêu đào tạo đang chịu những biến động lớn đòi hỏi nghiên cứu đổi mới và phát triển phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ; văn hóa - giáo dục... Mục tiêu đào tạo chịu chi phối trực tiếp và mạnh mẽ của các quan niệm mới về vai trò và vị trí của con người trong tiến trình phát triển của đời sống xã hội hiện đại, của nền văn minh mới; văn minh tin học, kinh tế tri thức. Ở Việt Nam, mục tiêu

đào tạo được định hướng theo quan niệm con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động giáo dục - đào tạo hướng tới yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Mục tiêu giáo dục đào tạo là cơ sở định hướng cho toàn bộ hoạt động tổ chức và quản lý đào tạo ở mọi loại hình và phương thức đào tạo. Đồng thời là cơ sở để thiết kế nội dung chương trình đào tạo cho các ngành nghề cụ thể, phù hợp với từng loại hình trường và hệ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mục tiêu đào tạo là cơ sở định hướng mà điều quan trọng hơn là chuẩn đánh giá toàn bộ quá trình tổ chức đào tạo nghề nghiệp ở các mức độ khác nhau. Dựa vào mục tiêu đào tạo từng nghề, từng phần hoặc từng môn học, từng bài giảng chúng ta có cơ sở để đánh giá chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo và trên cơ sở đó đánh giá trình độ tổ chức đào tạo của nhà trường, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của mỗi giáo viên.

II. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Khái niệm nội dung đào tạo

Nội dung đào tạo là tập hợp hệ thống các kiến thức về văn hóa- xã hội, khoa học - công nghệ, các chuẩn mực thái độ nhân cách, những kỹ năng lao động chung và chuyên biệt cần thiết để hình thành những phẩm chất và năng lực nghề nghiệp phù hợp với một loại hình lao động nghề nghiệp cụ thể.

Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ban hành theo quyết định số 21/2001/QĐ-BGD và ĐT ngày 06/06/2001 bao gồm những thành phần cơ bản sau:

1.1. Khối các môn học chung

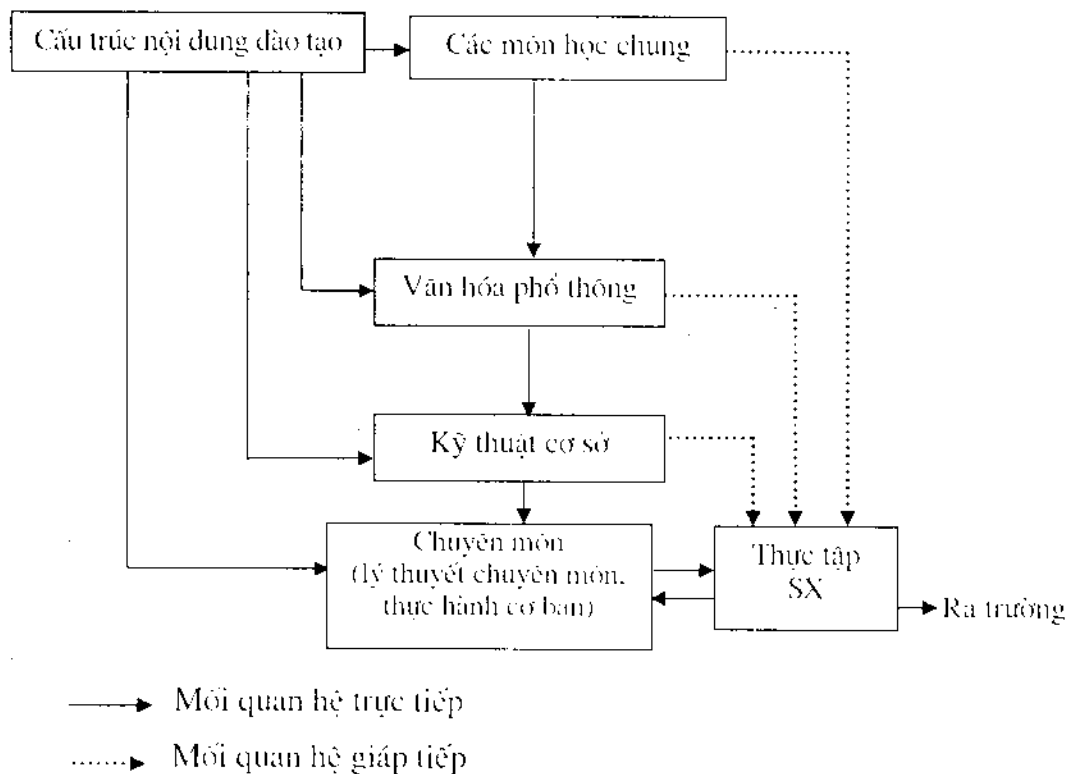
Các môn Chính trị, Giáo dục pháp luật, Quốc phòng, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất. Kiến thức này đáp ứng yêu cầu phát triển nhân cách chung của người lao động trong xã hội với từng giai đoạn phát triển:

1.2. Khối các môn học văn hóa

Gồm các môn học khối khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Khi đưa các môn học này vào chương trình đào tạo phải tùy thuộc vào đặc trưng lĩnh vực nghề nghiệp. Nếu các trường trung học chuyên nghiệp tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở có nội dung đào tạo văn hóa 4 môn có thời lượng 30% thời gian cho tất cả khóa học. Nội dung đào tạo các môn học văn hóa thiết kế trên cơ sở các môn học tương ứng ở trường phổ thông trung học có

điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Cấu trúc chương trình đào tạo



1.3. Khối các môn cơ sở

Bao gồm các môn học về cơ sở kỹ thuật - công nghệ, kinh tế và quản lý cho một ngành, nghề hoặc một nhóm ngành, nghề đào tạo có liên quan. Nội dung kiến thức này giúp học sinh làm nền để tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề nghiệp (lý thuyết và thực hành) mà có ý nghĩa quan trọng trong quá trình mở rộng và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động thực tế.

1.4. Khối các môn học chuyên môn - nghề nghiệp

Học sinh được học hai phần, phần lý thuyết và phần thực hành cơ bản. Phần lý thuyết đặc trưng cho từng ngành nghề tương ứng, phần thực hành cơ bản bao gồm các bài tập thực hành cơ bản để hình thành những kỹ năng lao động cơ bản phục vụ cho nghề nghiệp sau này.

* **Phần thực tập:** Đây là quá trình để hoàn thành kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp thích ứng với từng loại công việc thực tế ở các đơn vị sản xuất. Quỹ thời gian dành cho phần này là 5-10% thời gian đào tạo.

* **Phần thực hành sản xuất:** Nội dung này tùy theo điều kiện cụ thể được thực hiện riêng từng giai đoạn phù hợp với phần học chuyên môn - kỹ thuật tương ứng hoặc hình thành một giai đoạn chung sau khi đã hoàn thành tất cả các giai đoạn đào tạo về chuyên môn - kỹ thuật.

Quá trình thiết kế nội dung - chương trình đào tạo cần tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc khoa học: Nội dung chương trình bảo đảm tính khoa học của hệ thống các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

- Nguyên tắc thực tiễn: Nội dung chương trình phải đảm bảo phù hợp với điều kiện của các nhà trường hiện nay, như đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, đảm bảo tính khả thi của chương trình. Một mặt phải phù hợp với trình độ thực tế và dự báo phát triển kỹ thuật - công nghệ của các lĩnh vực sản xuất dịch vụ.

- Nguyên tắc vừa sức: Nội dung chương trình phù hợp với đối tượng tuyển sinh, với yêu cầu của mục tiêu đào tạo và điều kiện bảo đảm.

- Nguyên tắc hệ thống: Bảo đảm nội dung chương trình có cấu trúc hệ thống hợp lý. Kết hợp hài hòa logic khoa học - công nghệ và logic sư phạm. Cần có phần hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo.

- Nguyên tắc liên thông: Nội dung chương trình cần được thiết kế bảo đảm yêu cầu liên thông nội dung đào tạo giữa các bậc học, ngành nghề đào tạo.

- Nguyên tắc đa kênh thông tin: Nội dung chương trình được chọn lọc phản ánh tính đa dạng của các kênh thông tin từ các tài liệu khoa học - công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn sản xuất-dịch vụ, đời sống xã hội.

2. Hệ thống tri thức hay kiến thức nghề nghiệp

Tri thức theo cách hiểu chung nhất là “những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật nói chung”. Tri thức hay kiến thức của con người là kết quả của quá trình nhận thức, tư duy phản ánh hiện thực khách quan thông qua bộ não con người, là sản phẩm đặc biệt của bộ não và do đó có thể hiểu tri thức là “thông tin được chứa trong não người”. Nội dung đào tạo nghề nghiệp trước hết bao gồm hệ thống các tri thức khoa học (khoa học tự nhiên và khoa học xã hội -

nhân văn, khoa học công nghệ) phản ánh các đặc tính, thuộc tính của các sự vật hiện tượng và các mối quan hệ, các quy luật vận động và phát triển trong thế giới khách quan nói chung và trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nói riêng. Hệ thống các tri thức khoa học và công nghệ trong nội dung đào tạo nghề nghiệp bao gồm:

- Các tri thức về sự vật, hiện tượng (tri sự) được phản ánh trong hệ thống các khái niệm, định nghĩa, cũng như những hiểu biết về cấu tạo, công dụng của các thiết bị...

Các kiến thức về các sản phẩm lao động nghề nghiệp như hình dạng, mẫu mã, thành phần, công dụng của sản phẩm.

- Các tri thức về lý luận (tri lý) về hệ thống các quan điểm, tư tưởng xã hội, học thuyết khoa học như các quan điểm triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quy luật, các nguyên lý hoạt động.

- Các tri thức về quá trình công nghệ gia công, chế biến, xử lý để tạo ra các sản phẩm vật chất và tinh thần (tri hành) theo các ngành nghề như các quy trình gia công kim loại, quy trình chế biến món ăn, quy trình thiết kế sản phẩm, quy trình kế toán hoặc xử lý số liệu.

- Các tri thức, hiểu biết về con người (tri nhân) về đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp. Thái độ và các định hướng giá trị xã hội và nghề nghiệp làm cơ sở cho việc hình thành lý tưởng, niềm tin, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp.

3. Hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp

Hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp chung và chuyên biệt cho từng ngành nghề đào tạo là phần nội dung đào tạo quan trọng trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề. Kỹ năng là khả năng thực hiện một công việc hoặc một hoạt động nào đó một cách có chất lượng và hiệu quả theo yêu cầu, mục đích xác định trong những điều kiện nhất định (thời gian, phương tiện, môi trường hoạt động, nguồn lực...). Quá trình hình thành kỹ năng là quá trình vận dụng các kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn và do đó có thể nói kỹ năng là kiến thức trong hoạt động. Quá trình luyện tập tiến tới sự thành thạo các kỹ năng trong một thao tác, một công việc nào đó không cần có sự tập trung chú ý, kiểm soát đặc biệt của ý thức (tự động hóa, đưa đến hình thành các kỹ xảo một mức phát triển cao của kỹ năng trong hoạt động nghề nghiệp. Người ta phân loại hệ thống các kỹ năng ra một số cách sau đây:

- Phân loại theo loại hình hoạt động. Theo cách này có các loại kỹ năng tư duy như kỹ năng phân tích, tổng hợp, phán đoán, so sánh, suy luận, nhận

dạng... và các kỹ năng hành động như kỹ năng điều khiển thiết bị, quan sát các hiện tượng, tiếp cận công nghệ, thu thập số liệu, dữ liệu.

- Phân loại kỹ năng theo đặc điểm riêng: Hoạt động lao động nghề nghiệp đòi hỏi người hành nghề phải sử dụng kết hợp nhiều loại kỹ năng lao động chung cho nhiều loại hình lao động riêng hoặc chuyên biệt cho từng ngành, nghề. Các kỹ năng chung bao gồm kỹ năng tính toán thông dụng đã được hình thành trong cuộc sống lao động nói chung và mỗi cá nhân. Các kỹ năng chuyên biệt được đòi hỏi hình thành ở từng loại hình lao động, từng ngành, nghề nhất định như kỹ năng điều khiển các máy móc, thiết bị chuyên dùng, kỹ năng nhận biết và phân loại các vật liệu chuyên dụng.

- Phân loại theo mức độ phức tạp của kỹ năng: Theo cách phân loại này hệ thống kỹ năng bao gồm hai loại: Các kỹ năng đơn giản và các kỹ năng phức tạp. Các kỹ năng phức tạp đòi hỏi có sự luyện tập công phu, phối hợp nhiều thao tác, động tác của hệ vận động của ý thức và các giác quan như nghe, nhìn.

4. Phương pháp xây dựng kế hoạch đào tạo và chương trình môn học

- Phương pháp xây dựng kế hoạch đào tạo: Cần xác định cơ sở phương pháp luận là căn cứ để xây dựng kế hoạch đào tạo.

- + Cơ sở phương pháp luận là những quan điểm, những chủ trương đường lối của hiến pháp và luật của nhà nước được cụ thể hóa thành những văn bản chỉ đạo của bộ, UBND tỉnh - thành phố, sở giáo dục - đào tạo... Đây là những chỗ dựa về tinh thần và pháp lý để tiến hành xây dựng kế hoạch.

- + Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội, vào nhu cầu đào tạo nhân lực cho xã hội, vào tình hình cơ sở vật chất, vốn đội ngũ giáo viên của nhà trường mà xây dựng kế hoạch.

- Khi xây dựng kế hoạch, cần thiết phải tiến hành qua các bước sau:

- + Bước 1: Nắm thông tin đầy đủ về những vấn đề liên quan đến nội dung kế hoạch (nhu cầu đào tạo, tuyển sinh, thị trường lao động, v.v...)

- + Bước 2: Thiết kế công việc, xây dựng hệ thống các mục tiêu quản lý cần đạt được, các giải pháp để thực hiện, dự kiến các phương án khác nhau để lựa chọn phương án tối ưu, khả thi nhất.

- + Bước 3: Tham khảo ý kiến chuyên gia, tính toán lần cuối và quyết định về kế hoạch.

- + Nội dung của kế hoạch cần cụ thể, tính toán hiệu quả tối ưu cả tính khoa học và tính thực tiễn, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ... Ngoài những

mục tiêu về kinh tế và chất lượng đào tạo cần chú ý đến việc chăm lo xây dựng đội ngũ, điều kiện dạy và học nghề.

- Xây dựng chương trình môn học: Chương trình môn học là văn bản quy định chi tiết nội dung một môn học cụ thể trong tổng thể kế hoạch đào tạo. Văn bản này bao gồm:

+ Mục đích môn học: Là điều kiện cần đạt được sau khi học xong về kiến thức và kỹ năng môn học.

+ Nội dung cụ thể của môn học: Chi tiết tới từng chương, từng bài, từng đơn vị kiến thức, cả lý thuyết và thực hành, bài tập, ôn tập, kiểm tra...

+ Phân thời gian cho từng chương, từng bài và cho toàn bộ môn học.

+ Phân hướng dẫn thực hiện chương trình, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

5. Quản lý kế hoạch đào tạo và chương trình môn học

Ngày 20/05/1988 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức ban hành một hệ thống biểu mẫu sổ sách mới dùng để tổ chức và theo dõi quản lý quá trình dạy học trong các trường nghề. Trong đó, hệ thống sổ sách được chia làm 2 nhóm:

** Các biểu mẫu để quản lý kế hoạch đào tạo:*

Đây là kế hoạch sắp xếp phân bổ thời gian đào tạo của một khóa học cho các hoạt động quy định trong kế hoạch giảng dạy chung đã được nhà nước hoặc ngành ban hành đối với từng nghề. Kế hoạch giảng dạy bao gồm 3 nội dung sau:

+ Yêu cầu cụ thể về chuyên môn.

+ Phân phối thời gian toàn khóa học

+ Phân phối thời gian cho các môn học

** Tiến độ giảng dạy:*

Là tiến độ thực hiện kế hoạch giảng dạy gọi tắt là tiến độ giảng dạy, là tài liệu gốc của năm học. Xuất phát từ tiến độ mà các bộ phận trong nhà trường lập kế hoạch, chương trình công tác để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy học tập trong toàn trường tiến hành thuận lợi, ăn khớp với nhau.

- Nội dung của tiến độ giảng dạy thể hiện ở các điểm sau:

+ Trình tự thực hiện theo thời gian toàn bộ hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác quy định trong kế hoạch giảng dạy đối với tất cả các khóa học trong nhà trường theo năm học.

+ Mức độ khai thác cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho đào tạo: Mật độ học sinh xuống xuống thực tập ở từng thời gian; sử dụng các phòng học, phòng thí nghiệm..

+ Tiến độ giảng dạy do phòng giáo vụ lập căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của các khóa học, tình hình thực tế của nhà trường trong năm học. Sau khi hội đồng sư phạm thông qua, hiệu trưởng phê duyệt. Đây là một tài liệu để hiệu trưởng chỉ đạo và kiểm tra các mặt hoạt động trong nhà trường.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO

1. Khái niệm về phương pháp

- Phương pháp là con đường, cách thức hoạt động nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

- Phương pháp là ý thức về hình thức của sự tự vận động bên trong của nội dung.

- Phương pháp đào tạo là sự chỉ dẫn và cân nhắc hợp lý tùy theo kiến thức, mục tiêu dạy học và các yếu tố tham gia quá trình sư phạm như: Bản chất người học, hình thức học tập, đồ dùng và phương tiện dạy học.

2. Một số phương pháp đào tạo

2.1. Phương pháp đào tạo theo chương trình môn học

Đây là phương pháp đào tạo được áp dụng phổ biến ở nhiều nhà trường hiện nay. Tùy từng loại hình đào tạo của các ngành nghề, nhà trường sẽ dựa vào lưu lượng học sinh của các khóa học, dựa vào cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên của nhà trường. Căn cứ vào tổng số tiết quy định trong khung chương trình, từ đó xây dựng tổng số tiết cho từng kỳ học phù hợp với khối các môn học như:

Khoa học cơ bản

Khoa học cơ sở

Khoa học chuyên ngành

Trong quỹ thời gian kế hoạch đào tạo, ngoài các môn lí thuyết còn thời gian hình thành kỹ năng như:

- Thực tập cơ bản

- Thực tập cơ sở

- Thực tế xí nghiệp (đi thực tập tại nhà máy, xí nghiệp)

Từ đây, phòng đào tạo phân ra các kỳ học lý thuyết và các kỳ thực tập đan xen nhau trong toàn khóa học. Hình thức đào tạo như vậy được gọi là phương pháp đào tạo kết hợp.

2.2. Phương pháp đào tạo theo hai giai đoạn

Phương pháp đào tạo này có hiệu quả cao, học sinh tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp theo hình thức đào tạo 2 giai đoạn khi ra trường làm việc được người sử dụng lao động đánh giá là tốt.

Giai đoạn 1: Đào tạo tay nghề công nhân các em được hình thành kỹ năng, tay nghề tương đối khá. Sau quá trình thực tế các em còn được làm việc để nâng cao tay nghề hơn nữa. Như vậy, trình độ thực tập tay nghề đã được nâng lên.

Giai đoạn 2: Đào tạo nâng cao lên hệ trung học chuyên nghiệp. Giai đoạn này các em đã có một trình độ tay nghề nhất định. Các em sẽ tiếp tục học các môn lý thuyết cơ sở, chuyên ngành để củng cố kiến thức cho tương ứng với trình độ trung học chuyên nghiệp.

2.3. Phương pháp đào tạo theo module

2.3.1. Khái niệm

Xuất phát từ đặc thù dân tộc và trình độ phát triển của nền kinh tế quốc dân, mỗi quốc gia có những con đường thực hiện quá trình đào tạo cho riêng mình. Một số nước châu Á đang mạnh dạn vứt bỏ các khuôn mẫu đào tạo cổ truyền để ứng dụng một số phương thức đào tạo mới. Đối với Việt Nam, do yêu cầu của nền sản xuất xã hội và tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật, ngày càng đòi hỏi một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn nghề nghiệp ở nhiều mức độ khác nhau và rất đa dạng về phương diện nghề. Nhu cầu học tập nghề đang phát triển mạnh trong từng địa phương và mọi lứa tuổi. Một số người có nhu cầu được đào tạo lại để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu của đổi mới công nghệ, kỹ thuật, tổ chức sản xuất. Một số người cần được đào tạo một nghề khác để chuyển nghề. Vậy, phương thức đào tạo như thế để đáp ứng các yêu cầu đa dạng và cấp bách đó.

Có nhiều phương thức đào tạo khác nhau dẫn đến cùng một mục đích. Nhưng tùy theo hoàn cảnh, tùy theo từng giai đoạn, từng nghề mà người ta ứng dụng một phương thức đào tạo được coi là tối ưu nhằm đáp ứng những yêu cầu xã hội đặt ra.

Hiện nay, ở nước ta phương thức mới áp dụng trong đào tạo phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Không gây ra nhiều xáo trộn trong nền giáo dục hiện nay
- Mềm hóa quá trình đào tạo
- Nâng cao tính chủ động của người học
- Cách thức thực hiện phải coi việc thỏa mãn xã hội là tiêu chuẩn hàng đầu.

Xã hội cần gì trước thì cho học trước cái đó, tập trung vào một thời gian ngắn, về sau khi cần chuyên sâu thì lĩnh vực nào sẽ trang bị dần dần cho đến khi hoàn chỉnh kiến thức và kỹ năng của lĩnh vực đó.

Phương thức đào tạo này vừa phải đáp ứng cho việc làm trước mắt, vừa đáp ứng cho việc tiếp tục nâng cao trình độ hoặc khi cần chuyển đổi nghề có thể kế thừa được những kiến thức và kỹ năng mà mình đã tiếp thu.

Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều nước sử dụng khái niệm *module*, khái niệm *module* được hiểu như sau:

Một *module* đào tạo nghề là một bộ phận công việc được phân chia hợp lý trong toàn bộ kiến thức kỹ năng của một nghề. Bộ phận công việc này có tính độc lập tương đối về nội dung đào tạo.

Module đào tạo nghề lấy cơ sở xuất phát từ mục tiêu đào tạo. Trong mục tiêu lại dựa vào những yêu cầu “làm được” là gốc. Có nghĩa là theo các kỹ năng nghề để phân chia thành những *module* chủ yếu của nghề. Từ đây, mới có những yêu cầu về thành lập các *module* thuộc các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.

Một đặc điểm của phương thức *module* là khái niệm về môn học sẽ không đề cập tới, vì rằng kiến thức kỹ năng của mỗi môn học trong nội dung đào tạo nghề sẽ dựa vào từng *module*. Nói cách khác, toàn bộ nội dung học của một nghề, được chia thành các đơn vị *module*, mà không chia thành các môn học.

2.3.2. Một số module nghề cụ thể lắp đặt điện nội thất

** Module 1: Vạch dấu lên công trình.*

A. Kiến thức

- L.E 1- An toàn lao động khi làm việc
- L.E 2- Các loại thang, chọn thang và cách dùng
- L.E 3- Chọn quần áo bảo hộ lao động
- L.E 4- Đọc bản vẽ xây dựng
- L.E 5- Đọc bản vẽ kiến trúc

B. Hoạt động

M.1A- Chuẩn bị các ống nhựa

M.2A- Lắp các ống nhựa lên tường

M.3A- Luồn các dây điện vào ống nhựa

M.1B- Xé rãnh và khoan lỗ trên tường

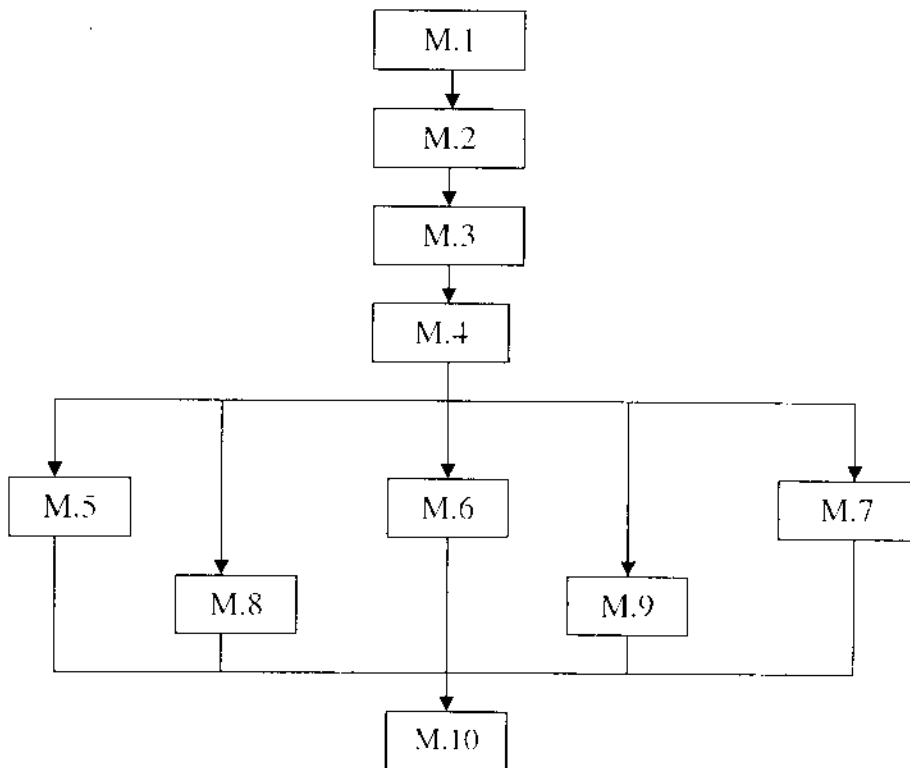
M.2B- Lắp đặt dây điện vào hộp điện trên tường

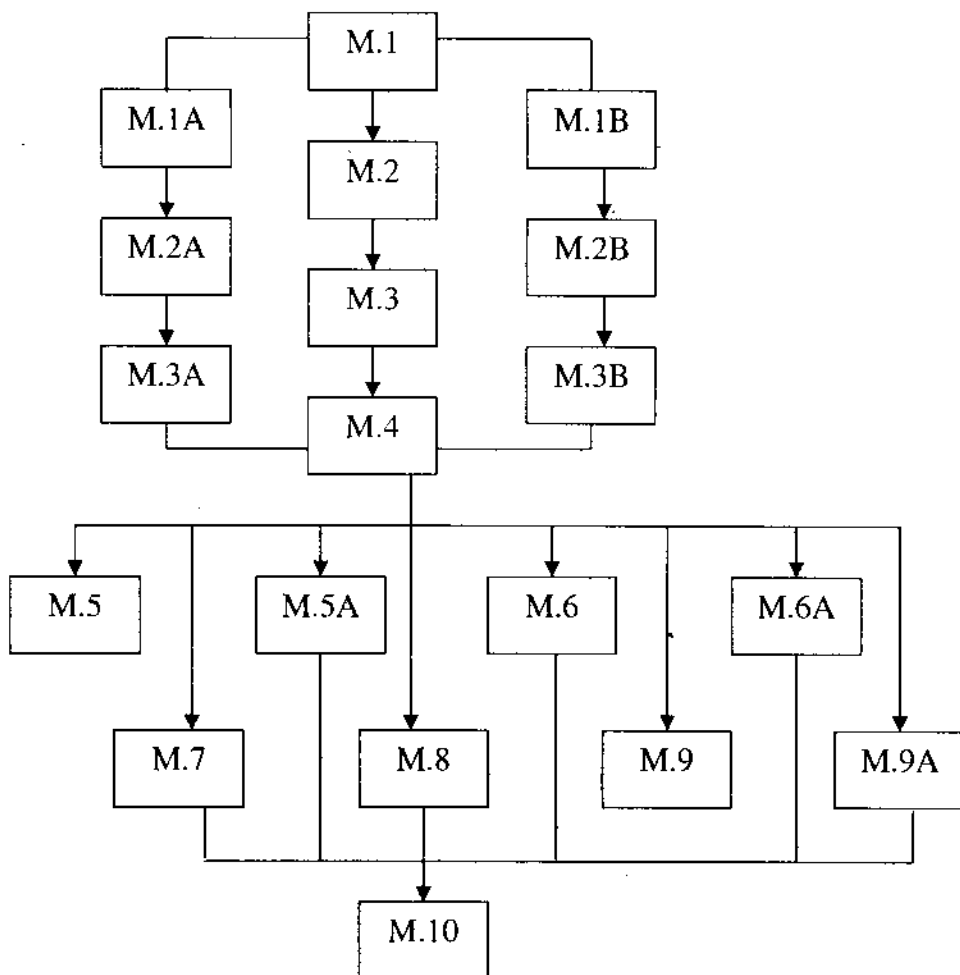
M.3B- Dùng vữa trát kín rãnh và lỗ trên tường

M.5A- Nối vạch chiếu sáng đèn ống

M.6A- Nối mạch tín hiệu chuông cửa

M.9A- Nối mạch với nguồn 3 pha





Các M khác có ý nghĩa như hình 2.

L.E.1- Thực hành cấp cứu

L.E.2- Đo dài- dùng thước đo dài

L.E.3- Thực hành sử dụng ký hiệu an toàn

L.E.4- Vạch dấu- dùng thước đo dài và thước đo góc

L.E.5- Vạch dấu- dùng phấn và dây dọi

L.E.6- Vạch dấu- dùng ống thăng bằng

L.E.7- Vạch dấu- dùng trong thực tập.

** Module 2: Lắp đặt phụ kiện lên bề mặt công trình*

A. Kiến thức

- L.E 1- An toàn lao động khi làm việc
- L.E 2- Các loại thang, chọn thang và cách dùng
- L.E 3- Chọn quần áo bảo hộ lao động
- L.E 4- Máy khoan điện cầm tay
- L.E 5- Máy khoan tay
- L.E.6- Các loại mũi khoan
- L.E.7- Cách dùng búa
- L.E.8- Cách dùng tuốc nơ vít
- L.E.9- Ổ cắm điện
- L.E 10- Hộp đấu dây
- L.E.11- Cầu dao
- L.E.12- Công tắc
- L.E.13- Đọc bản vẽ xây dựng
- L.E.14- Đọc bản vẽ kiến trúc
- L.E.15- Đọc bản sơ đồ mạng điện.

B. Hoạt động

- L.E.1- Thực hành cấp cứu
- L.E.2- Thực hành sử dụng ký hiệu an toàn
- L.E.3- Đo dài - dùng thước đo dài
- L.E.4- Vạch dấu - dùng thước đo dài và thước đo góc
- L.E.5- Vạch dấu - dùng phấn và dây dọi
- L.E.6- Vạch dấu - dùng ống thẳng bằng
- L.E.7- Khoan tường - dùng khoan quay tay
- L.E.8- Khoan tường - dùng khoan điện cầm tay
- L.E.9- Lắp phụ kiện dùng vít
- L.E.10- Lắp phụ kiện trong phòng thực tập.

2.4. Một số phương pháp đào tạo khác

2.4.1. Phương pháp thuyết trình

** Khái niệm:* Phương pháp thuyết trình là phương pháp giáo viên trình bày một chủ đề hoặc một vấn đề nào đó, mà ngôn ngữ là phương tiện chủ yếu.

** Mục tiêu của phương pháp thuyết trình*

- Cung cấp tổng quan về một chủ đề nào đó

- Truyền đạt thông tin
- Khơi dậy sự quan tâm
- Kích thích sự suy nghĩ và lĩnh hội kiến thức mới

** Ưu điểm của phương pháp thuyết trình*

- Nói được nhiều người nghe
- Bao quát thông tin nhanh chóng
- Dễ tổ chức
- Tiết kiệm thời gian
- Bảo đảm tính logic của nội dung vấn đề
- Không đòi hỏi nhiều về trang thiết bị

** Hạn chế của phương pháp thuyết trình*

- Người nghe thụ động
- Thông tin chỉ có một chiều
- Có thể trở nên nhàm chán
- Người học không thể chứng minh kiến thức hay kỹ năng của mình
- Phụ thuộc vào năng lực thuyết trình của giảng viên

** Yêu cầu khi sử dụng phương pháp thuyết trình*

- Cần lên kế hoạch thuyết trình một cách cẩn thận
- Trình bày phải duy trì được sự quan tâm của học viên
- Cần cho phép học viên hỏi hay đề nghị làm rõ thêm
- Khi trình bày nên có các phương tiện hỗ trợ nghe nhìn
- Khuyến khích người học nên ghi chép tóm tắt, một cách học tích cực
- Nên khái quát các điểm chính trước khi trình bày

2.4.2. Phương pháp thảo luận

** Khái niệm:* Đây là phương pháp trao đổi, chia sẻ ý kiến, quan điểm giữa các học viên và với giáo viên (tổ, nhóm, toàn lớp).

** Yêu cầu khi sử dụng phương pháp thảo luận*

- Tiến hành nghiên cứu tương đối sâu theo chủ đề
- Phát triển các kỹ năng trình bày và phát triển lập luận của người học
- Phát triển các kỹ năng nói, diễn đạt
- Phát triển các kỹ năng thẩm định, phê phán

** Ưu điểm*

- Khuyến khích các học viên tiến hành nghiên cứu nghiêm túc
- Tạo điều kiện cho các học sinh được học tập lẫn nhau

- Tạo điều kiện để giáo viên quan sát được sự tiến bộ của học sinh
- Tạo điều kiện để người học được trình bày kiến thức và kinh nghiệm của bản thân trước tập thể.

** Hạn chế*

- Học viên không phải lúc nào cũng chuẩn bị đầy đủ và điều đó làm cản trở việc thảo luận.

- Nếu không chuẩn bị, phần trình bày có thể nghèo nàn;
- Các học sinh có thể không chú ý đầy đủ tới chủ đề thảo luận;
- Người học xử sự như các khán giả thụ động

** Yêu cầu*

- Phải xây dựng bầu không khí làm việc thoải mái
- Cần hỗ trợ cho các học viên để làm rõ các mục tiêu, các phương pháp trình bày

- Có kế hoạch thực hiện hoạt động này
- Lên kế hoạch thảo luận và sử dụng ý kiến bình luận của các học viên
- Không cho phép trình bày dài làm lãng phí thời gian

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Anh (chị) hãy trình bày mục tiêu đào tạo ngành (nghề) mà trường anh chị đang thực hiện. Theo anh chị những mặt tích cực và hạn chế nào cần được khắc phục trong khi xây dựng mục tiêu đào tạo.

2. Nêu phương pháp quản lý kế hoạch đào tạo và chương trình môn học. Trong thực tế, trường anh (chị) đã vận dụng phương pháp trên vào công tác quản lý kế hoạch đào tạo và chương trình môn học như thế nào?

3. Ngoài các phương pháp đào tạo nêu trên, anh (chị) thảo luận các phương pháp đào tạo khác đang được áp dụng hiện nay và hiệu quả của nó.

Phần hai

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

Chương 3

QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, học viên có khả năng:

Phân tích được cấu trúc đặc trưng của một nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Cơ cấu một hệ thống quản lý nhà trường, các chức năng và các nguyên tắc quản lý trong nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Nội dung quản lý và lãnh đạo một nhà trường.

I. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

1. Khái niệm nhà trường

Nhà trường là một thiết chế xã hội, là đơn vị cấu trúc cơ bản của hệ thống quốc dân trong đó việc dạy học, giáo dục được tiến hành một cách có mục

đích, có tổ chức, có kế hoạch nhằm đào tạo con người đáp ứng những yêu cầu cho một xã hội nhất định.

2. Nhiệm vụ

- Trường trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ đào tạo những cán bộ thực hành có trình độ trung học về kỹ thuật và nghiệp vụ kinh tế và những cán bộ có trình độ trung học trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, y tế...

- Trường nghề có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ, đồng bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị tốt, có tay nghề giỏi, có sức khỏe... Rèn luyện tay nghề là yêu cầu chính trong việc đào tạo công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ.

II. MÔ HÌNH CẤU TRÚC ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

1. Ngành, nghề đào tạo

- Đối với đào tạo trung học chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thông tư hướng dẫn các trường trực thuộc tổ chức khảo sát và xây dựng các danh mục chuyên ngành đào tạo cụ thể. Danh mục ngành đào tạo trong khối trung học chuyên nghiệp được chia ra: nhóm ngành đào tạo, ngành đào tạo. Mỗi nhóm ngành đào tạo sẽ có nhiều ngành đào tạo trong nhóm ngành đó.

- Nghề đào tạo có thể trùng với một nghề xã hội, hoặc do nhiều nghề xã hội hợp thành, có nội dung chuyên môn là khối lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm và phẩm chất cần thiết phải đào tạo trong một thời gian nhất định, ứng với mỗi nghề đào tạo ta có một mục tiêu đào tạo. Tùy theo khối lượng kiến thức trong chương trình, người ta chia ra nghề chuyên môn cao hay chuyên môn thấp. Nghề chuyên môn càng cao càng cần có thời gian đào tạo dài và tốn kém.

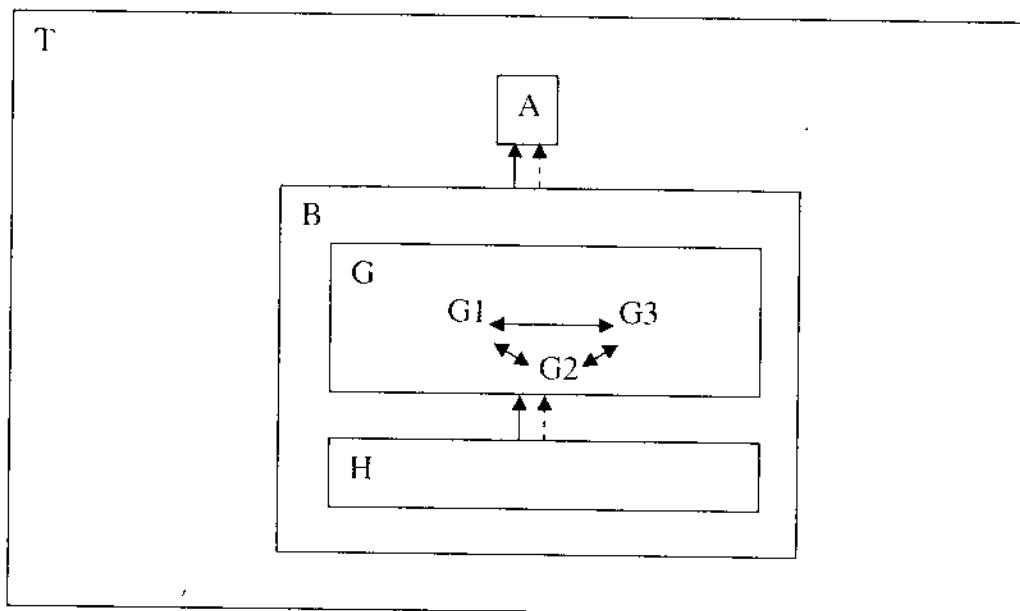
2. Cơ cấu hệ thống quản lý

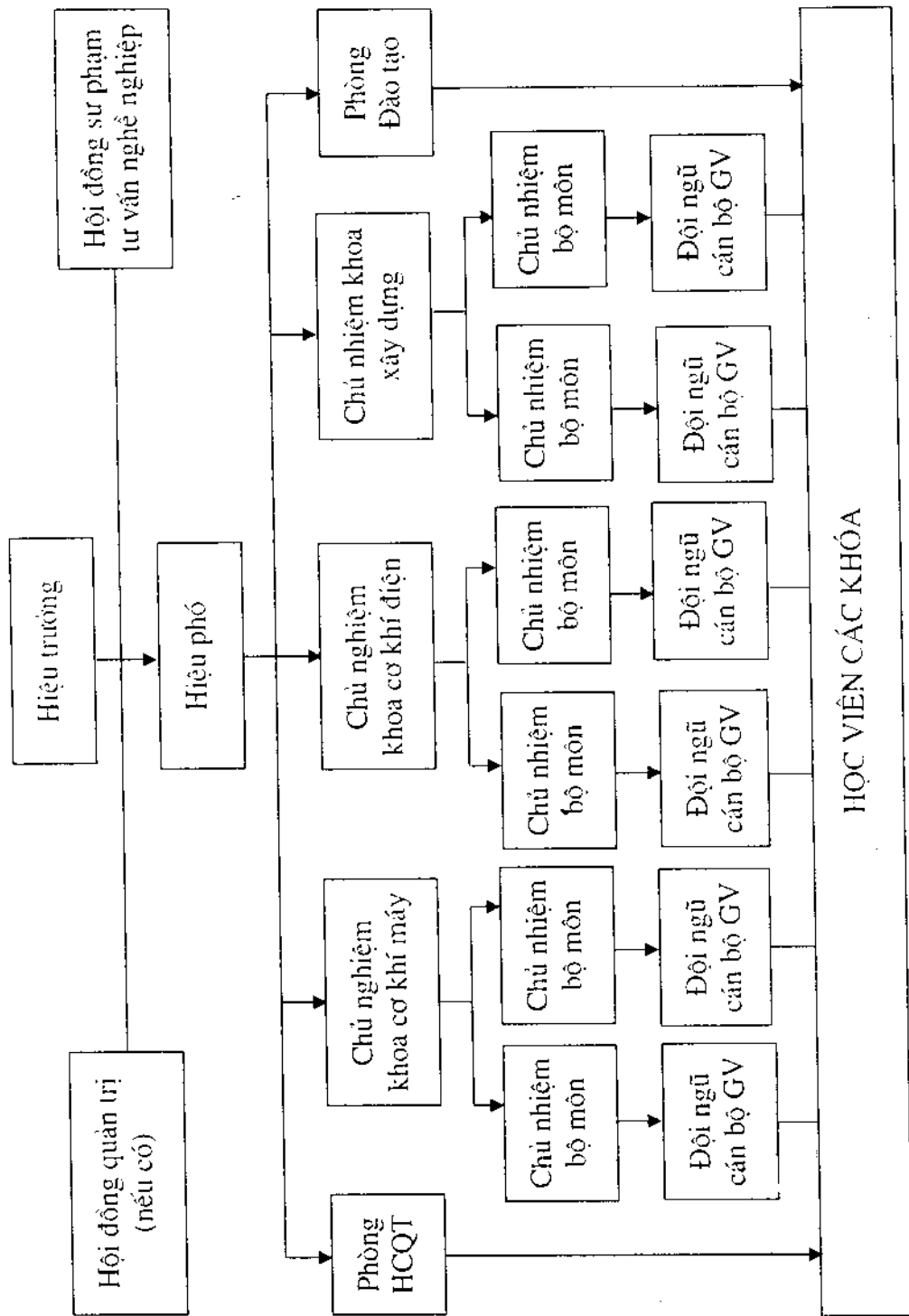
Trong nhà trường, hệ quản lý A gồm có hiệu trưởng và phó hiệu trưởng (BGH). Hệ bị quản lý B gồm có tập thể giáo viên và tập thể học sinh, trong đó mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh là mối quan hệ giáo dục và được giáo dục.

B: Tập thể giáo viên, học sinh.

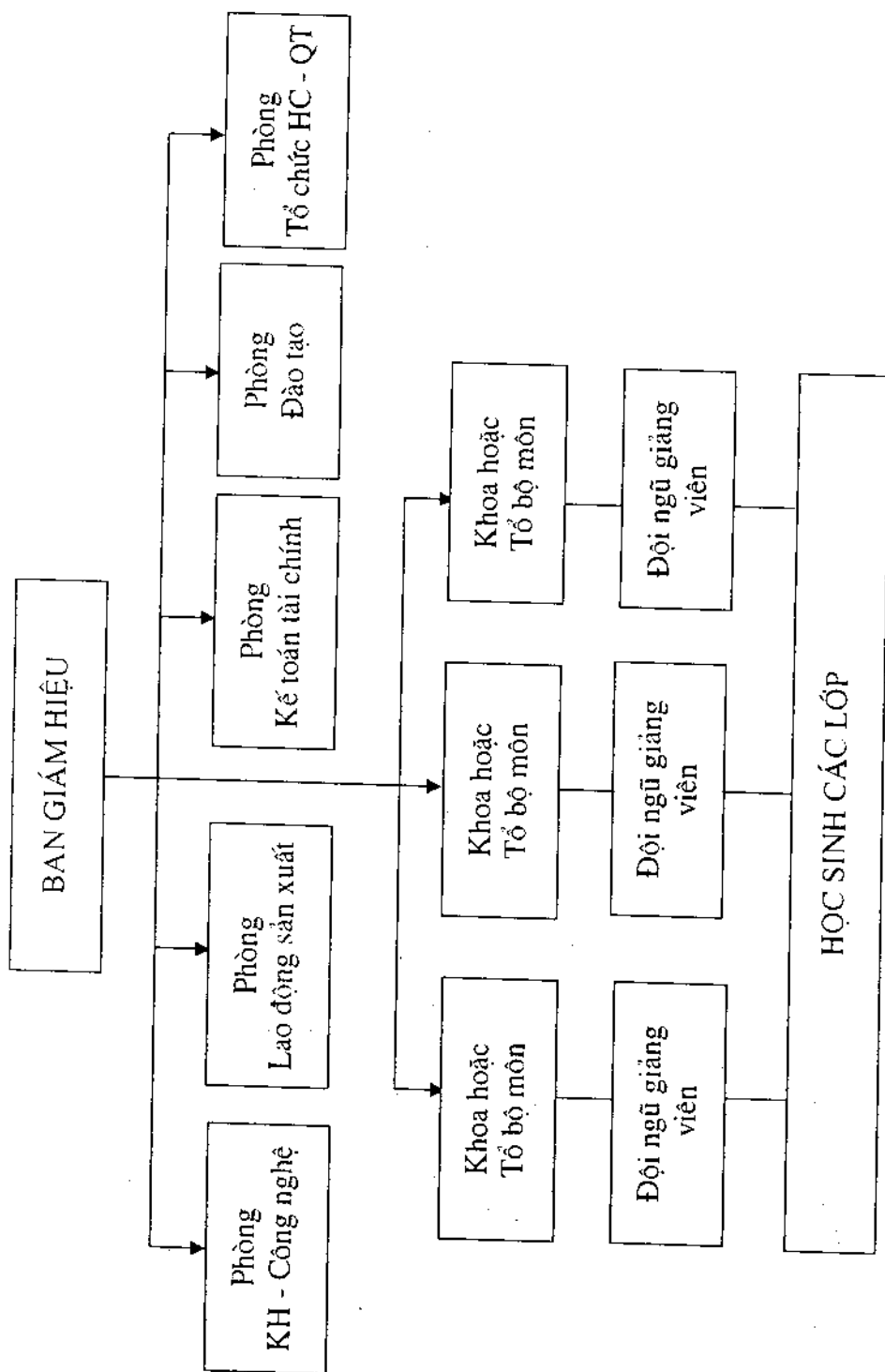
G: Tập thể giáo viên.

H: Tập thể học sinh.





Mô hình cấu trúc khái quát của trường trung học chuyên nghiệp



Mô hình cấu trúc khối quát của tổ chức bộ máy trường trung học chuyên nghiệp có trên 1000 học sinh
theo điều lệ Trường trung học chuyên nghiệp

Mục tiêu của khoa học quản lý là làm thế nào thiết lập các mối quan hệ giữa người với người trong công tác quản lý sao cho phù hợp, mọi người đều thoả mãn trong nhiệm vụ và quyền lợi của mình, nhằm đạt được mục tiêu quản lý tốt nhất. Có thể nói, quan hệ giáo dục là vấn đề trung tâm của lý luận quản lý giáo dục. Tất cả những vấn đề cơ bản như: mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp, chức năng, cơ cấu tổ chức... đều được soi bởi bản chất, nội dung và đặc điểm của quan hệ quản lý giáo dục. Nói cách khác, quan hệ quản lý giáo dục là đối tượng nghiên cứu của khoa học quản lý giáo dục.

3. Giáo viên

Theo điều 38 điều lệ trường trung học chuyên nghiệp, giáo viên trường trung học chuyên nghiệp là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường.

* Tiêu chuẩn giáo viên trường trung học chuyên nghiệp theo điều 39 của điều lệ, giáo viên trong các trường chuyên nghiệp phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt
- Có bằng tốt nghiệp đại học
- Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (trừ giáo viên tốt nghiệp ở trường, khoa sư phạm)
- * Nhiệm vụ của giáo viên trường trung học chuyên nghiệp
 - Giảng dạy môn học được phân công theo kế hoạch giảng dạy, chương trình và mục tiêu đào tạo của trường. Nhận xét đánh giá kết quả học tập rèn luyện của học sinh.
 - Tham gia thực nghiệm, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào việc cải tiến nội dung bài giảng và phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh
 - Thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ trường, quy chế về đào tạo, tôn trọng bảo vệ các quyền lợi chính đáng của học sinh
 - Rèn luyện đạo đức, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, giữ gìn phẩm chất, uy tín danh dự nhà giáo.
 - Tham gia các hoạt động văn hóa- xã hội, thực hiện nghĩa vụ công dân và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Học sinh

* Học sinh được nhận vào trường trung học chuyên nghiệp với các điều kiện sau:

- Có độ tuổi ít nhất là 15 tuổi

- Có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
- Có sức khỏe phù hợp với ngành, nghề đào tạo
- Trúng tuyển vào trường trung học chuyên nghiệp
- * Học sinh trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ sau đây:
 - Học tập và rèn luyện theo kế hoạch và chương trình đào tạo của trường
 - Tham gia các hoạt động của học sinh về thực nghiệm, nghiên cứu, thực hành, thực tập, lao động sản xuất, dịch vụ, văn hóa nghệ thuật, thể dục - thể thao và các hoạt động khác
 - Chấp hành pháp luật của Nhà nước, điều lệ nội quy của trường, kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường, giúp đỡ bạn bè.
 - Giữ gìn và bảo vệ tài sản, các công trình công cộng trong trường và ngoài xã hội, bảo vệ môi trường và giữ gìn trật tự xã hội.
 - Đóng học phí đầy đủ theo quy định, góp phần xây dựng trường.
 - Bảo vệ và phát huy truyền thống của trường

5. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật

Cơ sở vật chất trong các trường trung học chuyên nghiệp có vai trò quan trọng tới chất lượng đào tạo nghề. Cơ sở vật chất trong nhà trường chuyên nghiệp bao gồm:

- Các lớp học chung (với trang bị bên trong)
- Các lớp học chuyên dùng (phòng học bộ môn với trang thiết bị bên trong)
 - Phòng thí nghiệm
 - Xưởng trường, phòng thực hành kỹ năng nghề nghiệp, các cơ sở sản xuất trong trường cũng như ngoài trường.
 - Các phương tiện giáo dục thể chất (bài tập, sân chơi, dụng cụ thể dục thể thao)
 - Nơi làm việc của cán bộ, giáo viên
 - Phòng họp, phòng truyền thống của nhà trường
 - Các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác dùng trong dạy học và quản lý (các thiết bị điện tử, máy tính)

Nhiều trường trung học chuyên nghiệp còn có các cơ sở sản xuất ngoài khu vực nhà trường, là nơi giúp học sinh tham gia lao động sản xuất.

III. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

1. Các khái niệm cơ bản về quản lý

1.1. Các bước khái niệm cơ bản về quản lý

Trong lịch sử phát triển của loài người, từ khi có sự phân công lao động đã xuất hiện một dạng lao động mang tính đặc thù, đó là tổ chức điều khiển các

hoạt động lao động theo những yêu cầu nhất định. Dạng lao động mang tính đặc thù đó gọi là hoạt động quản lý.

Mọi hoạt động xã hội đều cần tới quản lý. Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật trong việc điều khiển một hệ thống xã hội ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Đó là những hoạt động cần thiết phải thực hiện khi những con người kết hợp với nhau trong các nhóm, các tổ chức nhằm đạt được những mục tiêu chung.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về quản lý nhưng nhìn chung có thể hiểu quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được những mục tiêu nhất định trong điều kiện biến động của môi trường. Đã có hàng loạt các định nghĩa khác nhau về “Quản lý”, song ta có thể tóm tắt lại:

Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý để chỉ huy, điều khiển hướng dẫn các quá trình xã hội, hành vi và hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích, đúng với ý chí nhà quản lý, phù hợp với quy luật khách quan.

Quản lý là một nghề (nghề quản lý). Do đó những cách tiếp cận khác nhau, có những lý thuyết trong quản lý. Nó vừa có tính tất yếu khách quan, vừa có tính chủ quan, vừa có tính giai cấp, vừa có tính kỹ thuật, vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật, vừa có tính pháp luật nhà nước, vừa có tính xã hội rộng rãi. Chúng là những mặt đối lập trong một thể thống nhất, đúng như tác giả Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich đã đề cập trong tác phẩm “*Những vấn đề cốt yếu của quản lý*” do Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật năm 1993 phát hành. Quản lý có 4 chức năng quan trọng trên cơ sở thu nhận, xử lý và phát thông tin trong quá trình quản lý như:

- Lập kế hoạch
- Tổ chức thực hiện
- Chỉ đạo lãnh đạo
- Kiểm tra đánh giá

Quá trình quản lý thường phải dùng các công cụ như: Hệ thống chế định, các nguồn lực và năng lực của người quản lý. Trong quá trình đó nghề quản lý thường sử dụng 4 nhóm phương pháp là: Hành chính, Kinh tế, Giáo dục, và Tâm lý xã hội... Trong những điều kiện phát triển cụ thể của đơn vị mà người lãnh đạo sẽ lựa chọn những phương pháp phù hợp có hiệu quả đối với đối tượng quản lý.

1.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục đề cập tới các hoạt động quản lý trong một hệ thống, một tổ chức giáo dục - đào tạo nhân cách con người mới, con người lao động kỹ

thuật. Tùy đối tượng và phạm vi khác nhau mà quy mô của quản lý ở tâm vĩ mô hoặc vi mô. Có nhiều định nghĩa về quản lý giáo dục theo hướng: Quản lý hệ thống giáo dục và quản lý quá trình giáo dục.

Theo chúng tôi có thể hiểu quản lý giáo dục ở tâm vi mô là quản lý một chuỗi các hoạt động theo một hệ thống toàn vẹn bao gồm các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, tổ chức giáo dục, người dạy, người học, người phục vụ hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất kỹ thuật dạy và học, môi trường giáo dục và kết quả giáo dục.

Ngoài những nội dung trên, khi xét đến quản lý giáo dục ở tâm vĩ mô còn chú ý tới đường lối, quy mô và chất lượng phát triển của hệ thống giáo dục trong môi trường tương tác giữa các hệ thống con trong hệ thống giáo dục quốc dân và tác động của các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự phát triển về giáo dục của quốc tế.

1.3. Quản lý nhà trường

Nhà trường là một tổ chức giáo dục cơ sở trực tiếp. Các trường trung học chuyên nghiệp là cơ sở đào tạo hệ trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, có nhiệm vụ đào tạo ra các kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp. Trường trung học chuyên nghiệp là một thành tố trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp nên chịu sự chi phối của quá trình quản lý hệ thống. Đồng thời, trường trung học chuyên nghiệp còn là khách thể tương đối độc lập trong tự quản xã hội. Bởi vậy, quản lý nhà trường ngoài nội dung trung tâm là quản lý giáo dục - đào tạo còn bao gồm cả các nội dung quản lý về cơ sở vật chất kỹ thuật, quản lý nhân sự nói chung, quản lý tài chính và quản lý các mối liên kết giữa nhà trường với cộng đồng và cơ sở sản xuất - dịch vụ có liên quan. Đáng lưu ý rằng mục tiêu quản lý nhà trường là đạt được một cơ sở đào tạo có chất lượng và hiệu quả cao theo đường lối, phương châm giáo dục của Đảng và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phong phú và luôn biến động theo hướng phát triển.

1.4. Chất lượng quản lý nhà trường

Nhà trường nói chung và riêng và trường trung học chuyên nghiệp được vận hành trong quá trình quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường mà người đứng đầu có trách nhiệm cao nhất là hiệu trưởng. Chất lượng nhà trường được hiểu là tổng thể những đặc tính của hoạt động quản lý có thể đáp ứng

được cao nhất các nhiệm vụ quản lý đề ra cho nhà trường ở một giai đoạn phát triển của nhà trường.

Chỉ tiêu đo lường chất lượng quản lý nhà trường bao gồm các yếu tố sau đây:

- Trình độ, năng lực, uy tín của người lãnh đạo.
- Độ linh hoạt và độ gắn kết của con người trong nhà trường.
- Hiệu lực, hiệu quả của các quyết định đã ban hành, thực hiện trong nhà trường.
- Chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường theo mục tiêu và qui mô đã xác định.

Các tổn thất đã xảy ra cho nhà trường và phản ứng của các đối tác có liên quan.

2. Các chức năng và nguyên tắc quản lý

2.1. Các chức năng quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục cũng có những chức năng cơ bản của quản lý chung, theo sự thống nhất của đa số các tác giả, đó là bốn chức năng: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra.

- Lập kế hoạch: Lập kế hoạch là quá trình thiết lập các mục tiêu của hệ thống, các hoạt động và các điều kiện đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đó. Kế hoạch là nền tảng của quản lý

- + Xác định chức năng, nhiệm vụ và các công việc của đơn vị.
- + Dự báo, đánh giá triển vọng.
- + Đề ra mục tiêu, chương trình.
- + Lập kế hoạch chương trình.
- + Nghiên cứu xác định tiến độ.
- + Xác định ngân sách.
- + Xây dựng các thể thức làm việc.
- Tổ chức:

Tổ chức là quá trình sắp xếp và phân bổ công việc, quyền hành và nguồn lực cho các thành viên của tổ chức để họ có thể hoạt động và đạt được các mục tiêu của tổ chức một cách có hiệu quả

- + Xây dựng các cơ cấu, nhóm.
- + Tạo sự hợp tác, liên kết.
- + Xây dựng các yêu cầu.

- + Lựa chọn, sắp xếp.
- + Bồi dưỡng cho phù hợp.
- + Phân công nhóm và cá nhân.

Chỉ đạo, lãnh đạo, điều khiển.

Chỉ đạo, lãnh đạo, điều khiển là quá trình tác động đến các thành viên của tổ chức làm cho họ nhiệt tình, tự giác nỗ lực phấn đấu đạt các mục tiêu của tổ chức:

- + Kích thích động viên.
- + Thông tin hai chiều.
- + Bảo đảm sự hợp tác trong thực tế.

Kiểm tra.

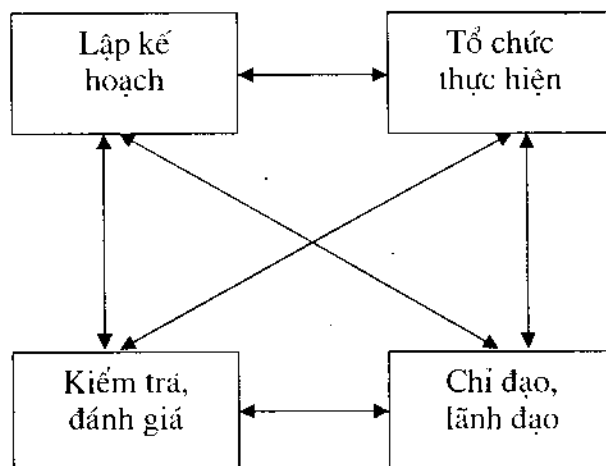
Kiểm tra là những hoạt động của chủ thể quản lý nhằm đánh giá và xử lý những kết quả của quá trình vận hành tổ chức:

- + Xây dựng định mức và tiêu chuẩn.
- + Các chỉ số công việc, phương pháp đánh giá.

Rút kinh nghiệm và điều chỉnh

Các chức năng này gắn bó với nhau, đan xen lẫn nhau, khi thực hiện chức năng này thường cũng có mặt các chức năng khác ở các mức độ khác nhau. Trong mọi hoạt động quản lý giáo dục, thông tin quản lý giáo dục đóng vai trò vô cùng quan trọng, nó được coi như mạch máu của hoạt động quản lý giáo dục.

Mối quan hệ giữa các chức năng cơ bản của QLGD được thể hiện như sau:



2.2. Nguyên tắc quản lý giáo dục đào tạo

Nguyên tắc quản lý giáo dục là những nguyên tắc quản lý trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Nó vừa mang những yêu cầu của nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa nói chung, làm cho hoạt động giáo dục diễn ra phù hợp với quy luật giáo dục, trong điều kiện kinh tế xã hội nước ta và đạt được những mục tiêu giáo dục. Sau đây là một số nguyên tắc cơ bản trong quản lý giáo dục:

2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính chính trị trong quản lý giáo dục

Giáo dục (nhà trường) bao giờ cũng gắn liền với chính trị, phục vụ các mục tiêu chính trị.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Nhân tố con người là “Mục tiêu và động lực của sự phát triển”. Con người là vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội.

Mục tiêu của giáo dục và đào tạo là nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ trí thức, nhà kinh doanh, nhà quản lý, chuyên gia công nghệ và công nhân lành nghề đảm đương nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị tốt cho đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ 21.

2.2.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc quản lý hết sức quan trọng trong xã hội ta hiện nay. Việc thực hiện nguyên tắc này sẽ đảm bảo một trình độ tổ chức cao, đồng thời phát huy được cao nhất các khả năng và trí tuệ của tập thể người lao động.

Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất chính trị của nhà nước CHXHCN Việt Nam: Nhà nước của dân, vì dân, do dân làm chủ. Do đó, nhân dân có quyền tham gia quản lý nhà nước. Ngược lại, nhà nước phải bảo vệ và phục vụ quyền lợi của nhân dân lao động. Điều này được thực hiện vì sự thống nhất quyền lợi giữa nhà nước và nhân dân.

2.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Giáo dục nói chung và giáo dục nghề nghiệp trong cơ cấu tổ chức nhà trường là một hệ phức tạp. Muốn giảm bớt độ bất định và chỉ huy, điều khiển được, người quản lý phải kế hoạch hóa sự quản lý của mình.

Kế hoạch là công cụ để điều khiển, giám sát, đánh giá hoạt động hướng đến mục tiêu của người quản lý. Kế hoạch là sản phẩm trí tuệ của người quản lý nó ảnh hưởng và quyết định cơ bản đến kết quả thực hiện mục tiêu.

2.2.4. Nguyên tắc quan tâm đến yếu tố con người

Quản lý là tác động có mục đích đến tập thể những con người nhằm tổ chức và phối hợp hoạt động của họ, động viên kích thích họ trong quá trình lao động để đi đến mục tiêu một cách hiệu quả nhất.

Như vậy, trong hệ quản lý, phần tử quan trọng nhất, quyết định nhất, luôn luôn vẫn là con người và tập thể những con người.

Kết luận: Nguyên tắc quản lý là một hệ thống những vấn đề lí luận cơ bản làm cơ sở cho việc quản lý cụ thể theo tình huống. Việc nắm sâu sắc những vấn đề khái quát sẽ tạo ra năng lực cho người quản lý vận dụng sáng tạo chúng trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể, đem lại khả năng thành công. Cần phải kết hợp vận dụng các nguyên tắc vì không có nguyên tắc nào là vạn năng. Vận dụng như thế nào, đó là do năng lực, đặc điểm cá nhân người quản lý và do điều kiện cụ thể quyết định.

Điều đó, tạo nên phong cách, nghệ thuật lãnh đạo riêng của từng nhà quản lý, góp phần quyết định chất lượng đào tạo nghề tại mỗi trường.

3. Quản lý và lãnh đạo

Trong thực tế, người ta quan niệm lãnh đạo là một khía cạnh, một mặt của quản lý. Quản lý bao hàm trong đó có lãnh đạo. Song có quan niệm lãnh đạo lớn hơn bao trùm quản lý.

Hiện nay nhiều người quan niệm quản lý là hoạt động rộng lớn bao trùm lên toàn bộ các hoạt động, các lĩnh vực, trong quản lý có khía cạnh đó là phải lãnh đạo, chỉ huy.

- Lãnh đạo là phải có người ra lệnh, có người tuân thủ các mệnh lệnh đó. Lãnh đạo bằng chỉ huy.

- Lãnh đạo là sự tác động đến con người sao cho họ tự nguyện và nhiệt tình phấn đấu để đạt được mục tiêu của tổ chức - bộ máy.

- Lãnh đạo là chỉ dẫn, điều khiển, ra lệnh và đi trước

- Lãnh đạo bao gồm các yếu tố:

+ Các kỹ năng lãnh đạo bao gồm: Kỹ năng (khả năng) nhận thức được các đặc điểm của con người dưới quyền, hiểu được các động lực thúc đẩy họ hành động, khả năng khích lệ người thừa hành

+ Khả năng hoạt động phù hợp với hoàn cảnh, với con người để tạo những thuận lợi cho hoạt động

+ Sự hấp dẫn và cuốn hút của người lãnh đạo với cấp dưới, khả năng lôi cuốn, tập hợp những người dưới quyền, gây được lòng tin của quần chúng, người lãnh đạo tận tâm, tận lực hoàn thành nhiệm vụ.

+ Phong cách lãnh đạo và bầu không khí được tạo ra do phong cách lãnh đạo đó. Phong cách lãnh đạo và bầu không khí thúc đẩy con người thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Anh (chị) hãy vẽ sơ đồ mô hình cấu trúc nhà trường anh (chị) đang công tác, nêu ra những mặt tích cực và hạn chế trong mô hình cấu trúc đó

2. Anh (chị) hãy nêu quan điểm của mình về vai trò lãnh đạo trong nhà trường? Xây dựng các tiêu chí cần có ở người lãnh đạo?

Chương 4

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

Mục tiêu

Học xong chương này, học viên có khả năng:

Phân tích được cơ sở khoa học của việc tổ chức khoa học quá trình giảng dạy trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Các phương pháp quản lý hoạt động dạy, hoạt động học và quản lý nề nếp hoạt động dạy và học ở trường chuyên nghiệp. Các phương pháp kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học ở nhà trường.

I. TỔ CHỨC KHOA HỌC QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Lập kế hoạch tổ chức quá trình dạy học

- Kế hoạch tổ chức quá trình dạy học là một bộ phận quan trọng của kế hoạch công tác nhà trường. Nhiệm vụ chính trị của nhà trường là dạy tốt và học tốt, phục vụ cho hoạt động dạy và hoạt động học là phải tổ chức tốt quá trình dạy học, đây là công tác được ưu tiên số một trong các nhà trường chuyên nghiệp. Vì quá trình dạy học chiếm vị trí trung tâm trong toàn bộ hoạt động của nhà trường.

- Những kế hoạch chủ yếu của quá trình tổ chức đào tạo:

Trước khi tổ chức quá trình đào tạo các ngành nghề cụ thể trong nhà trường, nhà trường phải xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học của từng ngành nghề trước khi tuyển sinh từ 4 đến 6 tháng trên cơ sở mục tiêu đào tạo của nhà trường.

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa để xây dựng kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch năm học chỉ có một kế hoạch duy nhất, nhưng phải thể hiện được kế hoạch đào tạo của nhiều nghề và của nhiều khóa học khác nhau trong khung thời gian của năm học đó. Vì vậy, xây dựng kế hoạch đào tạo năm học bao giờ cũng phức tạp hơn xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa đối với một nghề cụ thể và phải cân đối đồng bộ nhiều kế hoạch phụ khác.

- Kế hoạch đào tạo năm học phải thể hiện được tiến độ thực hiện cho từng lớp học, các khâu học lí thuyết, học thực hành, thực tập, lao động sản xuất, giáo dục chính trị chung và giáo dục quốc phòng (nếu có), thời gian thi tốt nghiệp, thời gian ra trường.

+ Kế hoạch đào tạo năm học phải được công bố trước khi bắt đầu năm học mới ít nhất là hai tháng.

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học để xây dựng kế hoạch phân công giáo viên và các kế hoạch đảm bảo khác như:

** Kế hoạch giảng dạy*

Đây là kế hoạch sắp xếp phân bố thời gian đào tạo của một khóa học cho các hoạt động huy động trong kế hoạch giảng dạy chung đã được nhà nước hoặc ngành ban hành đối với từng ngành nghề. Kế hoạch giảng dạy gồm 3 nội dung sau:

- a. Yêu cầu cụ thể về trình độ chuyên môn
- b. Phân phối thời gian toàn khóa học
- c. Phân phối thời gian cho các môn học

** Tiến độ giảng dạy.*

Tiến độ giảng dạy là tiến độ thực hiện kế hoạch giảng dạy, là một tài liệu gốc của năm học. Xuất phát từ tiến độ này mà các bộ phận trong nhà trường lập kế hoạch, chương trình công tác, để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy học tập trong toàn trường tiến hành thuận lợi, ăn khớp với nhau. Nội dung của tiến độ giảng dạy thể hiện ở các điểm sau:

a. Trình tự thực hiện theo thời gian toàn bộ hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác quy định trong kế hoạch giảng dạy đối với tất cả các lớp của các hoạt động trong nhà trường theo năm học.

b. Mức độ khai thác cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho đào tạo. Ví dụ: mật độ học sinh xuống xưởng thực tập ở từng thời gian, sử dụng các phòng học, phòng thí nghiệm.v.v.

c. Tiến độ giảng dạy do phòng giáo vụ lập căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của các khóa học, tình hình thực tế của nhà trường trong năm học. Sau khi hội đồng sư phạm thông qua, hiệu trưởng phê duyệt. Đây là một tài liệu để hiệu trưởng chỉ đạo và kiểm tra các mặt hoạt động trong nhà trường.

** Kế hoạch giáo viên.*

Thực chất là bản bố trí công tác cho mỗi giáo viên, nó được cụ thể hóa như sau:

Bố trí giảng dạy cho mỗi giáo viên trong học kỳ, môn dạy, lớp và số tiết trong một tuần lễ

Các nhiệm vụ khác mà giáo viên phải thực hiện, những công việc này đều được tính ra giờ giảng dạy

Quy định giờ tiêu chuẩn của giáo viên trong học kỳ theo chế độ quy định

** Kế hoạch sử dụng các trang thiết bị.*

Đó là kế hoạch sử dụng các máy móc, mã hiệu và các ký hiệu của nhà trường, các trang thiết bị của nhà trường phục vụ cho học tập. Thời gian các đơn vị trong nhà trường sử dụng (tuần, tháng) tương ứng với ký hiệu hoạt động của trang thiết bị .v.v

2. Phương pháp quản lý quá trình dạy học

Đó là quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy giáo dục của giáo viên và thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên, việc chấp hành các quy định, quy chế về đào tạo như các điều lệ, nội quy, chế độ... một cách nề nếp, ổn định.

2.1. Quản lý hoạt động dạy của giáo viên

Khái niệm: Quản lý hoạt động dạy của giáo viên thực chất là quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ của đội ngũ giáo viên và của từng giáo viên.

Nhiệm vụ, nội dung quản lý hoạt động dạy của giáo viên.

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện, đánh giá được kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy- giáo dục của toàn thể đội ngũ giáo viên và của từng giáo viên.

- Theo dõi, chỉ đạo thực hiện và đánh giá được kết quả thực hiện việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và sư phạm của đội ngũ giáo viên và từng giáo viên.

- Nắm được các ưu, khuyết điểm, đánh giá được sự tiến bộ về các mặt chính trị - tư tưởng, phẩm chất đạo đức của từng giáo viên.

** Biện pháp.*

- Phân công nhiệm vụ giảng dạy- giáo dục rõ ràng ngay từ đầu năm học, dùng các biện pháp hành chính - tổ chức để quản lý, theo dõi đôn đốc việc thực hiện.

- Kết hợp sử dụng các biện pháp hành chính tổ chức với việc đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, hướng dẫn các giáo viên lập kế hoạch thi đua phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt và cuối học kỳ, cuối năm tổ chức kiểm điểm, nhận xét, đánh giá và bình bầu thi đua.

- Tổ chức và hướng dẫn học sinh, sinh viên đóng góp ý kiến, nhận xét về tình hình giảng dạy - giáo dục của giáo viên bằng hình thức phiếu thăm dò trả lời ngắn được thiết kế sẵn hoặc tập hợp ý kiến dân chủ khách quan thông qua tổ chức lớp.

- Định kỳ tổ chức dự lớp, tổ chức trao đổi rút kinh nghiệm kịp thời

- Theo dõi, chỉ đạo hoạt động của giáo viên trong công tác phương pháp dạy học và công tác nghiên cứu khoa học.

2.2. Quản lý hoạt động học của học sinh

** Khái niệm:* Quản lý hoạt động học của học sinh, sinh viên là quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, rèn luyện của học sinh trong quá trình đào tạo

Nhiệm vụ, nội dung quản lý hoạt động học của học sinh.

Theo dõi, tìm hiểu để nắm được những biểu hiện tích cực và tiêu cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện cũng như những biến đổi nhân cách của học sinh nói chung và của từng học sinh, sinh viên

- Theo dõi, thúc đẩy, khuyến khích học sinh, sinh viên phát huy các yếu tố tích cực, phấn đấu vươn lên đạt kết quả học tập, rèn luyện ngày càng cao.

** Biện pháp:*

- Tổ chức điều tra cơ bản học sinh, sinh viên khi mới vào trường để nắm được trình độ, năng lực và các đặc điểm tâm lý cá nhân của từng học sinh, trên cơ sở đó phân loại học sinh và có các quyết định quản lý phù hợp.

- Hướng dẫn và tổ chức cho học sinh xây dựng kế hoạch phấn đấu theo tiêu chuẩn học tốt sau từng thời kỳ (tháng, học kỳ, năm học) mỗi người tự kiểm điểm, tổ lớp đóng góp ý kiến,..Trên cơ sở đó, giúp đỡ từng học sinh, tiếp tục phấn đấu học tập, rèn luyện để đạt được kết quả cao.

- Phối hợp, chỉ đạo các lực lượng, các chủ thể giáo dục trong nhà trường (các tổ chức sư phạm, các tổ chức chính trị, đoàn thể...) trong công tác giáo dục quản lý học sinh.

- Xây dựng mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình học sinh, các tổ chức xã hội nơi trường đóng để phối hợp trong công tác giáo dục và quản lý học sinh.

2.3. Quản lý nề nếp dạy và học

2.3.1. Khái niệm

Quản lý nề nếp dạy và học là quản lý việc chấp hành các quy định (điều lệ, chế độ, nội quy...) về hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, đảm bảo cho các hoạt động đó được tiến hành có nề nếp ổn định một cách nghiêm túc, tự giác, có hiệu suất và chất lượng cao

2.3.2. Nhiệm vụ, nội dung quản lý nề nếp dạy và học

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch và chương trình dạy học theo thời khóa biểu và các quy định hiện hành về dạy và học.

- Theo dõi, chỉ đạo việc hoàn thiện các hồ sơ sổ sách, giấy tờ chuyên môn, nghiệp vụ

- Tổ chức, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn và công tác phương pháp

Trong các nhiệm vụ, nội dung quản lý trên cần phân biệt hai nhóm:

- Nhóm các nhiệm vụ, nội dung quản lý có tính chất chu kỳ, định kỳ theo học kỳ, năm học hay khóa học, các chế độ công tác giảng dạy như chuẩn bị bài giảng, dự giờ... các yêu cầu phải thực hiện trước khi lên lớp, trong khi học tập ở trên lớp, ở xưởng thực tập, ở phòng thí nghiệm theo các nội quy đã ban hành

- Nhóm các nhiệm vụ, nội dung có tính đột xuất, tình huống

2.3.3. Biện pháp quản lý nề nếp dạy và học

- Tổ chức học tập, tọa đàm trao đổi về các văn bản quy định nề nếp dạy học

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nề nếp học tập

- Thể hiện sự gương mẫu của người quản lý, của cán bộ và giáo viên

- Có thể tổ chức cho phụ huynh, gia đình học sinh thảo luận, tìm hiểu nội dung vấn đề cần thiết về nề nếp dạy và học để cùng phối hợp thực hiện.

II. TỔ CHỨC THÔNG TIN TRONG VIỆC LÃNH ĐẠO QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Khái niệm về thông tin

Theo định nghĩa chung nhất, thông tin là sự thông báo giữa người này với người khác về một sự kiện nào đó giúp cho người thu nhận thông báo có sự hiểu biết về sự kiện.

- Thông tin được hiểu theo 2 nghĩa.

+ Đó là các tin tức mới về một sự kiện hiện tượng nào đó nhằm thỏa mãn nhu cầu nhận thức của con người. Nếu trong quản lý thông tin giúp nhà quản lý giải quyết được những nhiệm vụ đặt ra.

+ Là sự chuyển giao các tin tức giữa các bộ phận trong bộ máy và giữa các bộ máy với nhau. Theo nghĩa này thông tin gắn liền với sự điều khiển một hệ thống nào đó. Thông tin là một thuộc tính của quản lý, đảm bảo cho hoạt động của một nhà trường được thông suốt, đều đặn. Thông tin làm cho hệ thống quản lý có sự tác động qua lại hợp lý với hoàn cảnh xung quanh. Phối hợp các bộ phận, thiết lập và vận hành các mối quan hệ giữa các bộ phận để đảm bảo cho các bộ phận của đơn vị vận hành tốt trong guồng máy chung → đi đến mục tiêu chung là dạy tốt, học tốt.

+ Thông tin quản lý là tất cả các tin tức về chủ thể và đối tượng quản lý, các yếu tố chi phối quá trình quản lý, đảm bảo cho quản lý có kết quả. Thông tin trong nhà trường bao gồm:

Thông tin chung → Thông tin về các hoạt động chung của nhà trường → Thông tin hoạt động dạy → Hoạt động học → Nền nếp dạy và học

Thông tin về nội dung trong hoạt động dạy và hoạt động học:

- Mục tiêu cuối cùng của bộ máy cần đạt tới
- Nguồn nhân lực, vật lực cần huy động
- Cách thức, quy trình tiến hành hoạt động
- Mối quan hệ giữa các bộ phận trong nhà trường
- Tình hình hoạt động của bộ máy nhà trường trong từng thời điểm và dự báo hướng phát triển.

Các loại thông tin trên cả ban giám hiệu nhà trường và cán bộ, giáo viên đều cần biết để thống nhất hành động.

2. Vai trò của thông tin

- Thông tin là cơ sở để quản lý các hoạt động của nhà trường, nhất là trong việc lãnh đạo quá trình dạy học.

- Muốn quản lý tốt hoạt động dạy học phụ thuộc vào tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin và ngược lại.

- Hoạt động thông tin quản lý tác động và chi phối toàn bộ hoạt động của bộ máy, nó thu hút và điều chỉnh hoạt động của bộ máy.

- Thông tin giúp cán bộ quản lý nâng cao năng lực quản lý và rèn luyện ý chí nhà quản lý.

3. Các hình thức thông tin

- Thông tin miệng: Là hình thức trao đổi thông tin bằng ngôn ngữ nói.
 - Thông tin bằng ngôn ngữ nói có ưu điểm:
 - + Loại thông tin này thường nhanh chóng, có hiệu quả ngay, có thông tin phản hồi tức khắc. Nó thường được truyền trực tiếp và thường chính xác.
 - + Có thể kết hợp các phương tiện khác hỗ trợ nhằm tăng hiệu quả thông tin.
 - + Đây là dạng thông tin phổ biến: 75% thông tin trong quản lý hoạt động dạy là thông tin miệng.
 - Nhược điểm.
 - + Nhược điểm của loại thông tin này: Tốn thời gian vì nói nhiều, nhiều thông tin thừa.
 - Thông tin bằng văn bản: Là truyền đạt thông tin bằng ngôn ngữ viết.
- Thông tin bằng văn bản có nhược điểm:
- + Lưu lại nhiều giấy tờ nên khó khăn trong lưu trữ, xử lý khi cần.
 - + Không có thông tin phản hồi tức khắc nên không kịp điều chỉnh khi có sự cố.

4. Yêu cầu của thông tin

Để đảm bảo các hoạt động trong nhà trường, nhất là lãnh đạo quá trình dạy học, người quản lý phải nắm được các thông tin từ các môn, khoa, phòng, xưởng thực hành hay các cá nhân, tập thể học sinh. Do vậy, thông tin cung cấp cho người quản lý phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

- Đầy đủ, chính xác
- Kịp thời
- Ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu
- Liên tục và có hệ thống

Muốn quản lý tốt hoạt động dạy học tốt hay không trước hết là do thông tin có tối ưu hay không. Thông tin hiện đang được hiện đại hóa để đạt chất lượng và hiệu quả ngày càng cao; không thể bằng lòng với cách làm ăn chậm tiến hiện nay về mặt thông tin.

Trong quá trình quản lý và giáo dục kỹ thuật và công nghệ thông tin truyền thống đang đổi mới hàng ngày bằng cách áp dụng những thành tựu của tin học, máy tính, các phương tiện nghe nhìn hiện đại, nhận in sao chụp vừa nhanh, vừa

đẹp các phương tiện liên lạc và các phương tiện giao thông nhanh chóng thuận tiện. Điều này càng làm cho chúng ta thấy rõ tính chất cấp bách và tầm quan trọng của việc nâng cao tay nghề của người cán bộ quản lý giáo dục cũng như việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho hoạt động quản lý giáo dục, quản lý nhà trường.

III. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Yêu cầu của công tác kiểm tra

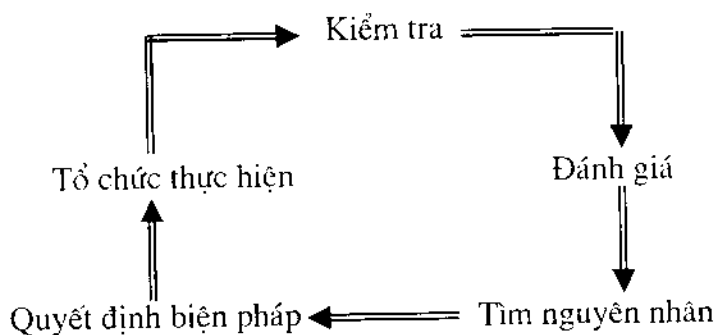
1.1. Các khái niệm

Kiểm tra là quá trình người ta sử dụng các phương pháp khác nhau để thu thập thông tin về hiệu quả của hoạt động.

Đánh giá là quá trình so sánh kết quả đạt được với mục tiêu để xác định những thành công, những lệch lạc để đưa ra những tác động điều chỉnh uốn nắn.

Việc đánh giá có ý nghĩa của sự phân xét giá trị để đi đến quyết định. Quyết định để thay đổi, quyết định để cải tiến.

Việc đó diễn ra theo chiều kim đồng hồ nếu ta bắt đầu từ sự đo lường, kiểm tra điều khiển quá trình thực hiện công việc.



1.2. Ý nghĩa của công tác kiểm tra

Kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học là một dạng hoạt động nghiệp vụ quản lý của hiệu trưởng nhằm kiểm soát, phát hiện, so sánh kết quả hoạt động dạy học và giáo dục so với mục tiêu đề ra. Qua đó phát hiện ưu điểm để động viên khích thích hoặc uốn nắn, điều chỉnh những thiếu sót nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo trong nhà trường.

Cần nhấn mạnh rằng đánh giá là hoạt động đặc biệt nhằm phân tích xác định giá trị thực trạng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng để từ đó để

ra những biện pháp điều chỉnh giúp đỡ đối tượng. Đánh giá liên quan chặt chẽ đến kiểm tra: vừa là mục đích, vừa là kết quả của kiểm tra. Việc đánh giá một cách khách quan trên cơ sở sử dụng, phối hợp các phương pháp kiểm tra giúp cho nhà quản lý có những thông tin chính xác về đối tượng và đưa ra những quyết định quản lý thích hợp.

2. Các hình thức kiểm tra

2.1. Kiểm tra thường xuyên

Việc kiểm tra đi liền với hoạt động của bộ máy, việc kiểm tra được tiến hành trong suốt thời gian bộ máy hoạt động.

2.2. Kiểm tra đột xuất

Là loại kiểm tra vào một thời điểm bất kỳ do cấp trên tiến hành nhằm đánh giá đúng thực trạng hoạt động của bộ máy.

3. Nguyên tắc kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy học

+ *Nguyên tắc pháp chế*: Người quản lý kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục là thực hiện trách nhiệm do nhà nước giao phó. Giáo viên được kiểm tra đánh giá cần tham gia tự giác tích cực vào quá trình này nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục.

+ *Nguyên tắc tính kế hoạch*: Hoạt động kiểm tra đánh giá được đưa vào kế hoạch năm học trong sự thống nhất với các hoạt động sự phạm khác của nhà trường. Hoạt động kiểm tra đánh giá cần trở thành nề nếp quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý.

+ *Nguyên tắc khách quan*: Kiểm tra và đánh giá trong hoạt động dạy và học cần dựa trên các tiêu chí được xây dựng một cách khoa học đáp ứng các yêu cầu của thực tế và phù hợp với đặc điểm của nhà trường. Việc kiểm tra đánh giá được tiến hành ở tất cả các giáo viên, các bộ môn. Việc đánh giá kết quả dạy học và giáo dục một cách khách quan là động lực tạo ra sự phát triển ổn định và bền vững cho nhà trường.

+ *Nguyên tắc tính hiệu quả*: Kiểm tra đánh giá phải được tiến hành khoa học để đem lại hiệu quả quản lý tối ưu. Kiểm tra đánh giá với thời gian, nhân lực hợp lý, tạo ra động lực thúc đẩy sự cải tiến nội dung, phương pháp và phương tiện dạy học và giáo dục để càng ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục.

+ *Nguyên tắc tính giáo dục*: Kiểm tra đánh giá của hiệu trưởng vừa nhằm mục đích phân loại giáo viên (đánh giá theo tiêu chí) vừa có tính đào tạo nhằm nắm bắt được khó khăn của giáo viên, từ đó đưa đến cho họ sự giúp đỡ. Kiểm tra đánh giá còn nhằm ghi nhận sự tiến bộ của giáo viên và học sinh, tạo điều kiện cho sự thăng tiến và phát triển. Kiểm tra và đánh giá còn có ý nghĩa cho cả nhà quản lý, giáo viên và học sinh. Nó mang tính nhân đạo sâu sắc.

Các nguyên tắc có liên quan, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Tùy từng mục đích, đối tượng, nội dung và tình huống kiểm tra cụ thể mà hiệu trưởng vận dụng các nguyên tắc hoặc sự phối hợp tối ưu giữa chúng một cách linh hoạt và sáng tạo.

4. Quy trình kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học

4.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch
- Kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp với tình hình điều kiện cụ thể cho phép của trường và có tính khả thi.
- Kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục cần được thiết kế dưới dạng sơ đồ hóa và được treo ở văn phòng nhà trường, trong đó ghi rõ: mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành, hình thức, đơn vị và cá nhân được kiểm tra. Thời gian kiểm tra đảm bảo tính ổn định tương đối của kế hoạch kiểm tra.
- Kế hoạch hoạt động dạy học và giáo dục cần công bố công khai từ đầu năm học.
- Nội dung kiểm tra phải có sức thuyết phục, hình thức kiểm tra gọn nhẹ, không gây tâm lý nặng nề cho đối tượng, cần huy động được nhiều lực lượng tham gia kiểm tra và giành thời gian cần thiết, thích đáng cho kiểm tra.
- Hiệu trưởng cần xây dựng các loại kế hoạch kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra toàn năm học, kế hoạch kiểm tra học kỳ, kế hoạch kiểm tra hàng tháng, kế hoạch kiểm tra hàng tuần với những lịch biểu cụ thể:
- + Kế hoạch kiểm tra năm được ghi toàn bộ các đầu việc theo thứ tự thời gian từ tháng 9 năm trước đến tháng 8 năm sau

Biểu mẫu 1

Tuần Tháng	Tuần 1 công việc	Tuần 2 công việc	Tuần 3 công việc	Tuần 4 công việc
9		Kiểm tra sĩ số các lớp	Kiểm tra tình hình thực tập	Kiểm tra số sách giáo viên
10				
...				
1				
4				

* Kế hoạch kiểm tra hàng tháng: Dựa vào kế hoạch kiểm tra năm nhưng căn chi tiết công việc, đối tượng thời gian cụ thể.

Biểu mẫu 2

Bảng mẫu 2

Tuần	Thứ	Nội dung kiểm tra						Các mặt khác	Ghi chú
		Dự giờ			Hồ sơ				
		Môn bài	Lớp	Giáo viên	Lớp	Tổ	Giáo viên		

* Mẫu 1 và 2 là mẫu minh họa, không phải là mẫu thực tế.

* Kế hoạch kiểm tra tuần: Được ghi chi tiết cụ thể đối tượng (cá nhân, đơn vị) được kiểm tra, nội dung cụ thể, lực lượng kiểm tra ... một cách công khai ở văn phòng nhà trường.

4.2. Tổ chức lực lượng kiểm tra

- Xây dựng lực lượng kiểm tra: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập ban kiểm tra gồm những thành viên có uy tín, có nghiệp vụ chuyên môn sư phạm giỏi, phân công cụ thể và xác định quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên trong ban kiểm tra.

- Phân cấp trong kiểm tra: Hiệu trưởng có thể kiểm tra trực tiếp hay gián tiếp. Khi kiểm tra gián tiếp phải ủy nhiệm phân cấp rõ ràng (cho phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn hay cán bộ giảng viên có uy tín).

- Xây dựng chế độ kiểm tra: Hiệu trưởng quy định thể thức làm việc, nhiệm vụ cụ thể, thời gian, quy trình tiến hành, quyền lợi cho mỗi đợt kiểm tra hoặc mỗi kiểm tra viên.

Cung cấp kịp thời những điều kiện vật chất, tinh thần, tâm lý cho hoạt động kiểm tra, khai thác và tận dụng mọi khả năng, sáng tạo của các thành viên trong ban kiểm tra.

5. Nội dung và phương pháp kiểm tra

5.1. Nội dung kiểm tra

5.1.1. Kiểm tra toàn diện một giáo viên

Việc kiểm tra, đánh giá toàn diện một giáo viên dựa vào 4 nội dung sau:

- + Trình độ chuyên môn nghiệp vụ (tay nghề)
- + Thực hiện quy chế chuyên môn, ý thức trách nhiệm
- + Tham gia các hoạt động dạy học
- + Tham gia các hoạt động khác

Người quản lý sử dụng các hình thức, phương pháp kiểm tra linh hoạt sáng tạo và tiến hành theo quy trình hợp lý. Hàng năm, giám hiệu phải kiểm tra toàn diện được 1/3 tổng số giáo viên của trường. Biên bản kiểm tra toàn diện giáo viên làm theo mẫu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.1.2. Kiểm tra hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên

- Kiểm tra hồ sơ của giáo viên: Kế hoạch giảng dạy cá nhân cả năm, học kỳ, tháng, sáng kiến kinh nghiệm (đề tài khoa học); chương trình giảng dạy, giáo án, chuẩn bị phương tiện, thiết bị dạy học, thực hành.

- Kiểm tra giờ lên lớp của giáo viên:

- + Chuẩn bị lên lớp của giáo viên
- + Giảng bài trên lớp của giáo viên
- + Kết quả nhận thức (lĩnh hội tri thức) của học sinh trên lớp.

Riêng kiểm tra việc giảng bài trên lớp (thực hiện bài giảng trên lớp của giáo viên) hiệu trưởng cần thiết phải tiến hành theo quy trình sau:

1/ Dự giờ dưới hình thức: Báo trước, không báo trước các lớp song song, dự liên lục cả buổi, theo chuyên đề có lựa chọn.

2/ Phân tích sự phạm bài lên lớp đã dự: Dựa vào lý thuyết các kiểu bài đã học, phân tích hoạt động thầy trò trong việc thực hiện mục đích, nội dung, phương pháp, kết quả và mối quan hệ tương tác giữa chúng.

3/ Kiểm tra hoạt động sự phạm của tổ, nhóm chuyên môn giáo viên:

- Nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra công tác quản lý của tổ trưởng, nhóm trưởng: Nhận thức, vai trò, tác động, uy tín, khả năng lãnh đạo chuyên môn.

+ Kiểm tra hồ sơ chuyên môn: Bản kế hoạch, biên bản chất lượng dạy, các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn, sáng kiến kinh nghiệm.

+ Kiểm tra nề nếp chuyên môn: Soạn bài, chấm bài, dự giờ, giảng mẫu.

+ Kiểm tra chất lượng dạy-học của tổ, nhóm chuyên môn có tác dụng uy tín trong trường.

5.1.3. Kiểm tra học sinh

a. Kiểm tra toàn diện một học sinh.

- Kiểm tra trình độ văn hóa - khoa học - kỹ thuật của học sinh (ý thức học tập, phương pháp học tập, khả năng tiếp thu tri thức, kỹ năng thực hành, kết quả học tập).

- Kiểm tra trình độ được giáo dục của học sinh về các mặt (đạo đức, lối sống, ý thức và kỷ luật lao động, ý thức bảo vệ sức khỏe, vệ sinh biết thưởng thức và sáng tạo cái đẹp, nghệ thuật, kết quả cụ thể).

- Kiểm tra khả năng tự quản của học sinh trong tự học và trong sinh hoạt.

b. Kiểm tra toàn diện một lớp học sinh.

- Kiểm tra hoạt động học tập, thái độ, nề nếp, phương pháp, kết quả học tập, sự tương trợ giúp đỡ nhóm trong học tập.

- Rèn luyện các mặt giáo dục toàn diện: Đạo đức lối sống, văn nghệ, giáo dục thể chất, ý thức và kỷ luật lao động tập thể; quan điểm thẩm mỹ lành mạnh.

- Sinh hoạt tập thể lớp: Sinh hoạt lớp đều đặn có chất lượng và bổ ích, sinh hoạt đội có tác dụng đẩy mạnh phong trào học tập và rèn luyện của toàn lớp, tương trợ giúp đỡ nhau trong học tập.

- Việc xây dựng tổ, cá nhân điển hình trong lớp:

Khi kiểm tra toàn diện lớp học sinh, giám hiệu tiến hành kiểm tra kết quả các hoạt động kết hợp với tự kiểm tra của đội ngũ cán bộ lớp và các giáo viên bộ môn giảng dạy ở lớp đó, đánh giá nhận xét của giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn giảng dạy ở lớp đó.

Đó là nguồn thông tin cần thiết giúp cán bộ quản lý nhận xét, đánh giá lớp học một cách khách quan và chính xác.

5.1.4. Nội dung kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Kiểm tra cơ sở vật chất trường sở bao gồm:

+ Nhà cửa, lớp học, bàn ghế, bảng... xác định giá trị sử dụng, tiêu chuẩn vệ sinh học đường.

+ Thư viện, phòng thí nghiệm, phòng truyền thống, phòng hướng nghiệp, xưởng trường, vườn trường đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ dạy học.

- Kiểm tra thiết bị dạy học

+ Các đồ dùng dạy học

+ Các phương tiện kỹ thuật dạy học khác

Người quản lý kiểm tra cách sử dụng, bảo quản, bổ sung, tự làm thêm của thầy trò.

Cần tổ chức lực lượng kiểm tra cơ sở vật chất thiết bị dạy học hợp lý, hồ sơ kiểm tra cần cụ thể, chi tiết và định hướng xử lý sau kiểm tra.

5.2. Phương pháp kiểm tra

5.2.1. Phương pháp kiểm tra phương pháp giảng dạy của giáo viên

- Dự giờ (có lựa chọn, theo đề tài, song song, nghiên cứu phối hợp một số lớp, có thể dự cả buổi, dự theo tiết).

- Xem xét, kiểm tra các tài liệu khác nhau: Sổ sách, kế hoạch cá nhân (giáo án kế hoạch, kế hoạch dạy học, lịch trình giảng dạy).

- Đàm thoại với giáo viên (thực hiện chương trình, phương pháp, sự chuyên cần, sự tiến bộ của học sinh).

5.2.2. Phương pháp kiểm tra chất lượng kiến thức kỹ năng của học sinh

- Kiểm tra nói, viết, thực hành

- Nghiên cứu và phân tích sản phẩm của học sinh

- Kiểm tra kỹ năng của học sinh trong việc làm bài tập, thí nghiệm, thực hành, lao động hướng nghiệp và học nghề.

5.2.3. Phương pháp kiểm tra quá trình giáo dục học sinh

- Quan sát

- Điều tra

- Nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh

- Phỏng vấn

- Xem xét kiểm tra các tài liệu khác nhau

Kế hoạch công tác chủ nhiệm, kết quả đánh giá hạnh kiểm ...

6. Phân tích và đánh giá kết quả kiểm tra

Kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục có ý nghĩa tích cực cho công tác quản lý, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, giúp người quản lý điều chỉnh hoạt động dạy học, kịp thời uốn nắn sai lệch trong công tác tổ chức dạy học. Khi kiểm tra, người quản lý thấy được:

- Kết quả thực tế

- So sánh kết quả đo được ở thực tại với các tiêu chuẩn
- Xác định các sai lệch
- Phân tích các nguyên nhân sai lệch
- Chương trình hoạt động điều khiển
- Thực hiện cách điều chỉnh
- Kết quả mong muốn sau khi kiểm tra

Người quản lý phải phân tích tình hình chủ quan, khách quan, các mặt ưu điểm, hạn chế từ đó đưa ra cách điều chỉnh cho hợp lý phù hợp với tình hình của nhà trường. Người quản lý cần dựa vào các cơ sở khoa học như: tâm lý học quản lý, giáo dục học, xã hội hóa giáo dục, kinh tế học giáo dục, khoa học quản lý giáo dục, yêu cầu của chương trình, hướng dẫn giảng dạy các bộ môn, công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên, của giờ lên lớp sẽ giúp người quản lý điều chỉnh hoạt động giảng dạy được tốt hơn nhằm đạt tới mục tiêu của nhà trường đặt ra.

Câu hỏi thảo luận

1. Hãy trình bày và vận dụng cách quản lý hoạt động dạy, hoạt động học và quản lý nề nếp dạy học trong nhà trường. Liên hệ với trường anh chị đang thực hiện và rút ra mặt ưu điểm và những nhược điểm cần khắc phục.

2. Trình bày nội dung và phương pháp kiểm tra quá trình dạy học. Trường anh chị đã vận dụng nội dung trên trong kiểm tra như thế nào, theo anh chị còn những mặt nào cần được khắc phục?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Đường. *Chuyên đề tổ chức và quản lý quá trình đào tạo dành cho học viên cao học*. Tài liệu tham khảo, 1997.
2. Trần Khánh Đức. *Sư phạm kỹ thuật*. NXB Giáo dục. H, 2000.
3. Nguyễn Đức Trí. *Giáo dục học nghề nghiệp*. Trường Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật 1, 1994.
4. Trần Quốc Thành. *Chuyên đề khoa học quản lý*. Tài liệu tham khảo, 2004.
5. Nguyễn Minh Thành. *Chuyên đề tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục*. Tài liệu tham khảo.
6. Phạm Việt Vượng. *Giáo dục học*. NXB Đại học quốc gia 1997.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	3
Bài mở đầu	5
Phần một. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN ĐÀO TẠO TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ	9
<i>Chương 1. HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN</i>	9
I. Một số khái niệm	10
II. Vị trí của hệ thống đào tạo trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề	13
<i>Chương 2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO</i>	41
I. Mục tiêu đào tạo	41
II. Nội dung và kế hoạch đào tạo	50
III. Phương pháp đào tạo	56
Phần hai. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ	65
<i>Chương 3. QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ</i>	65
I. Nhiệm vụ của nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	65
II. Mô hình cấu trúc đặc trưng của nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	66
III. Những yêu cầu đối với công tác quản lý nhà trường	71

Chương 4. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRONG	
TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ.....	79
I. Tổ chức khoa học quá trình dạy học	79
II. Tổ chức thông tin trong việc lãnh đạo quá trình dạy học	83
III. Kiểm tra và đánh giá quá trình dạy học	86
<i>Tài liệu tham khảo</i>	<i>94</i>

BỘ GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2005 - 2006
KHOA TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIÁO DỤC

- | | |
|---|---------|
| 1. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ | - 4 TẬP |
| 2. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG MẦM NON | - 4 TẬP |
| 3. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TIỂU HỌC | - 6 TẬP |
| 4. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 1 | - 4 TẬP |
| - LÝ LUẬN DẠY HỌC | |
| - TÂM LÝ HỌC | |
| - TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ | |
| - LÝ LUẬN GIÁO DỤC | |
| 5. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 2 | - 6 TẬP |
| - CHUYÊN ĐỀ TÂM LÝ HỌC NGHỀ NGHIỆP | |
| - CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NGHỀ NGHIỆP | |
| - PHƯƠNG PHÁP BỘ MÔN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | |
| - LÔGIC HỌC HÌNH THỨC | |
| 6. BỒI DƯỠNG VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC | |
| 7. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THƯ VIỆN TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG | |
| 8. BỒI DƯỠNG NHÂN VIÊN THIẾT BỊ TRƯỜNG THCS | |

sh GT Tổ chức và quản lý quá trình



1111080000099

13,000

81935073 "909113"

Giá: 13.000đ